

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**ĐÀO THỊ HẢI YẾN**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH PHÚ THỌ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**

**HÀ NỘI - 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**ĐÀO THỊ HẢI YẾN**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH PHÚ THỌ**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS.TS. VŨ THƯ

**HÀ NỘI - 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi. Các thông tin, số liệu, kết quả nghiên cứu, ví dụ trình bày trong luận văn là trung thực, đảm bảo tính khách quan, khoa học. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin, tư liệu, trích dẫn trong luận văn có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**ĐÀO THỊ HẢI YẾN**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Viết tắt</b>	<b>Các chữ được viết tắt</b>
CBCC	Cán bộ công chức
CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CQDP	Chính quyền địa phương
HCNN	Hành chính nhà nước
HĐND	Hội đồng nhân dân
KTTT	Kinh tế thị trường
PBGDPL	Phổ biến giáo dục pháp luật
QCN	Quyền con người
QLNN	Quản lý nhà nước
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VPHC	Vi phạm hành chính
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN</b> .....	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của Phòng Tư pháp.....	7
1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp .....	11
1.3. Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.....	20
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.....	22
4.1. Vị trí, vai trò của Phòng Tư pháp.....	22
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TẠI TỈNH PHÚ THỌ</b> .....	33
2.1. Tác động của điều kiện địa phương đến tổ chức và hoạt động của các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ .....	33
2.2. Thực tiễn tổ chức và hoạt động của các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ .....	37
2.3. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.....	53
<b>Chương 3: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TẠI TỈNH PHÚ THỌ</b> .....	62
3.1. Nhu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện .....	62
3.2. Các quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp .....	68
3.3. Các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp .....	71
<b>KẾT LUẬN</b> .....	79
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	80
<b>PHỤ LỤC</b> .....	84

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	<i>Trang</i>
1. Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy UBND cấp huyện	10
2. Bảng 1.1. Biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức HCNN ở nước ta từ năm 2015 – 2018	25
3. Bảng 2.1. Danh sách các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Phú Thọ	32
4. Hình 2.1. Cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013 - 2017	32
5. Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng công chức các Phòng Tư pháp thuộc UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017.	39
6. Bảng 2.3. Biểu Thống kê số lượng, chất lượng công chức các Phòng Tư pháp tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 – 2017	83
7. Bảng 2.4. Kết quả hoạt động kiểm tra, rà soát VBQPPL của UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2013 - 2017	85
8. Bảng 2.5. Số lượng báo cáo viên cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 – 2017	86
9. Bảng 2.6. Kết quả thực hiện Phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn các huyện, thành, thị xã tại tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017	87
10. Bảng 2.7. Số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên cơ sở và tổng số vụ việc hòa giải trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017	88

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đảng và nhà nước ta chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đã đặt ra yêu cầu phải từng bước đổi mới hệ thống chính trị, tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong hệ thống bộ máy nhà nước, các cơ quan HCNN có vai trò vô cùng to lớn trong việc quản lý HCNN. Nhờ có hệ thống các cơ quan HCNN này mà hằng ngày, hằng giờ, các hoạt động quản lý HCNN đang được thực hiện, diễn ra trên toàn đất nước từ trung ương đến địa phương cơ sở. Cơ quan HCNN ở cấp trung ương bao gồm chính phủ, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, ở cấp địa phương gồm UBND cấp tỉnh, huyện, xã. Tại cấp huyện, để UBND cấp huyện thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình và quản lý hiệu quả các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng thì cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND cùng cấp QLNN theo lĩnh vực đóng vai trò rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả hoạt động của UBND cấp huyện; trong đó có Phòng Tư pháp đóng vai trò tham mưu, giúp việc UBND cấp huyện về hoạt động tư pháp.

Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thành, thị (gọi chung là UBND cấp huyện) thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện trong lĩnh vực QLNN về tư pháp bao gồm: hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý VBQPPL; kiểm soát TTHC; PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC và các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của của tỉnh Phú Thọ nói riêng và cả nước nói chung, công cuộc cải cách tư

pháp, quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã có những củng cố, đổi mới hoàn thiện, nâng cao chất lượng để làm tròn chức năng, nhiệm vụ của mình; góp phần quan trọng vào việc bảo vệ lợi ích của nhà nước, nhân dân và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới, phát triển toàn diện địa phương nói riêng và đất nước nói chung.

Tuy nhiên, thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp còn bộc lộ một số hạn chế như số lượng cán bộ tư pháp cấp huyện còn thiếu về số lượng, tổ chức bộ máy Phòng Tư pháp huyện chưa phát huy hết khả năng của CBCC làm hoạt động tư pháp, kết quả một số mặt hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp huyện chưa cao. Song song với quá trình đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đề cao tính thượng tôn của pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và nhu cầu ngày càng cao về hoạt động tư pháp đã đặt ra yêu cầu đối với các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương nói chung và ngành tư pháp, ngành hành pháp nói riêng phải thường xuyên củng cố, hoàn thiện, đổi mới cả về tổ chức và hoạt động.

Do đó, việc nghiên cứu tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp cả về lý luận và thực tiễn trong quá trình hình thành và phát triển của nó là rất cần thiết, giúp chúng ta thấy rõ những ưu điểm, những mặt hạn chế trong QLNN. Chính vì vậy, học viên lựa chọn đề tài: ***“Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài**

Nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp đã có nhiều đề tài nghiên cứu ở phạm vi khác nhau như:

Luận án tiến sĩ: *“Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam”* của Trần Huy Liệu, 2003.



Đề tài cấp Bộ: “*Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp cấp huyện. Thực trạng, giải pháp kiện toàn và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động*” của Bà Lê Thị Thu Ba - nguyên Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương, năm 2015.

Luận văn Thạc sĩ: “*Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp từ thực tiễn huyện thanh trì, thành phố Hà nội*” của Thạc sĩ Lê thị Hồng Thu, năm 2014.

Luận văn thạc sĩ: “*Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp từ thực tiễn tỉnh Hưng Yên*” của Thạc sĩ Lê Trọng Duẩn, năm 2015.

Các công trình nghiên cứu đã phân tích tương đối toàn diện và có hệ thống về vấn đề tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp nói chung dưới góc độ lý luận cũng như sự vận dụng lý luận đó vào tình hình thực tiễn. Đây đều là những công trình, sản phẩm của trí tuệ có giá trị và ý nghĩa lớn về mặt lý luận và thực tiễn.

Tuy nhiên, trước xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và đổi mới, phát triển đất nước, tăng cường thiết chế, pháp luật XHCN hiện nay thì vấn đề tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp vẫn hết sức cần thiết. Học viên thấy chưa có công trình nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ - một địa phương giàu truyền thống lịch sử và văn hiến - nơi phát tích của dân tộc Việt Nam gắn liền với sự ra đời, hình thành và phát triển của Nhà nước Văn Lang, nhà nước độc lập có chủ quyền đầu tiên của dân tộc Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Vì vậy, việc chọn nghiên cứu đề tài này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động QLNN về hoạt động tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Trên cơ sở hệ thống hoá những vấn đề lý luận về cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trong đó có Phòng Tư pháp và phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện tại tỉnh Phú

Thọ, luận văn đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp tại tỉnh Phú Thọ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức, hoạt động tham mưu, giúp việc UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp tại địa phương, thực hiện các nhiệm vụ tư pháp trong thời gian tới.

### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Thực hiện các mục đích nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.
- Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất phương hướng, quan điểm và các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đề tài tập trung nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp tại tỉnh Phú Thọ.

### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Về nội dung: Luận văn nghiên cứu về những nội dung chính trong tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ trong khoảng 5 năm gần đây.

- Về không gian: Nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc UBND thành phố, thị xã và các huyện trong phạm vi tỉnh Phú Thọ.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Cơ sở lý luận***

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật và những quan điểm của Đảng, pháp luật của nhà nước về tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức

CQĐP, cải cách HCNN. Tiếp thu có chọn lọc sau khi tham khảo một số công trình nghiên cứu, các bài viết, bài báo về hoạt động tư pháp, về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp để khẳng định việc nghiên cứu của luận văn nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp cả nước nói chung và Phòng Tư pháp thuộc tỉnh Phú Thọ nói riêng.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện luận văn, học viên sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp phân tích tài liệu, thống kê, tổng hợp, so sánh số liệu thống kê để khảo sát tình hình hoạt động của các Phòng Tư pháp, chọn lọc những kinh nghiệm thực tiễn, từ đó có những đánh giá sát thực, là cơ sở để đưa ra các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Tổ chức và hoạt động hiệu quả của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trong đó có Phòng Tư pháp có vai trò quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hướng đến xây dựng chính quyền phục vụ của nhân dân, thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện thành công cải cách HCNN, cải cách tư pháp phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và củng cố CQĐP, phát triển tỉnh Phú Thọ nói riêng. Do đó, việc kiện toàn đội ngũ, đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp là rất cần thiết.

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho cơ quan chính quyền và các cơ quan chức năng có liên quan trong việc nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trong cả nước nói chung và của tỉnh Phú Thọ nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, danh mục các chữ viết tắt, bảng biểu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chương 2. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ.

Chương 3. Quan điểm, giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của Phòng Tư pháp

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Phòng Tư pháp

*Tư pháp* từ góc độ ngữ nghĩa Hán - Việt, được hiểu là trông coi, bảo vệ pháp luật. Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh giải thích tư pháp là pháp đình y theo pháp luật mà xét định các việc ở trong phạm vi pháp luật. *Tư pháp*, dịch từ thuật ngữ *Justice* có hai nghĩa - theo nghĩa hẹp, tư pháp là xét xử; *theo nghĩa rộng*, từ góc độ triết lý, tư pháp được coi là một ý tưởng cao đẹp về một nền công lý, ở đó, mọi vi phạm pháp luật đều được phát hiện và xử lý nghiêm minh, mọi tranh chấp trong xã hội được giải quyết hợp với lẽ phải và sự công bằng, các quyền tự do, dân chủ cơ bản của con người được bảo đảm, lòng tin của nhân dân vào pháp luật được duy trì. Khái niệm “*Tư pháp*” được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, theo nghĩa rộng nhất, tư pháp là sự công bằng, công lý và các thiết chế nhằm duy trì, bảo đảm sự công bằng, bảo vệ nền công lý.

Nếu ở nhiều nước, “Tư pháp” là xét xử và cơ quan tư pháp là Tòa án, thì ở Việt Nam, “Tư pháp” được hiểu theo nghĩa rộng, là sự trộn lẫn toàn bộ hoạt động bảo vệ pháp luật, trong đó hoạt động xét xử của Tòa án là trung tâm. Ngoài ra, còn có các hoạt động hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, trợ giúp pháp lý. Tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược cải cách Tư pháp đến 2020*” đã xác định hệ thống các cơ quan tư pháp ở nước ta bao gồm toàn bộ các cơ quan tham gia vào hoạt động mang tính tư pháp là Tòa án nhân dân các cấp - cơ quan thực hiện quyền lực tư pháp; các cơ quan thực hiện quyền tố tụng (Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án, cơ quan điều tra các cấp); các cơ quan thực hiện hoạt động hỗ trợ tư pháp và QLNN về hoạt động tư pháp [4].

Trong tổ chức bộ máy nhà nước ta đã hình thành một hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ có tính chất tư pháp được tổ chức tương ứng với các cơ quan thực hiện chức năng hành pháp từ trung ương đến địa phương, giúp cơ quan hành pháp quản lý HCNN về bổ trợ tư pháp và QLNN về hoạt động tư pháp gồm: Bộ Tư pháp giúp Chính phủ, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp giúp UBND cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp UBND cấp xã. Tuy nhiên, về tính chất, đây là các cơ quan HCNN, không có chức năng thực hiện quyền tư pháp như Tòa án nhân dân các cấp.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, chính quyền địa phương ở cấp tỉnh và cấp huyện được thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng QLNN về ngành, lĩnh vực ở địa phương, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên. Theo đó, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thành, thị thực hiện những chức năng, nhiệm vụ giúp UBND cùng cấp QLNN về hành chính tư pháp [28].

Tại Thông tư số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định:

1. Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện QLNN trong lĩnh vực QLNN về tư pháp gồm: hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý VBQPPL; kiểm soát TTHC; PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC và hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và hoạt động của UBND cấp huyện và chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp [1,tr.13].

Như vậy, có thể hiểu, *Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn, cơ quan HCNN ở cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện QLNN về lĩnh vực hành chính tư pháp; vừa chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và các mặt hoạt động của UBND cấp huyện, vừa chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước cấp trên, mà trực tiếp là Sở Tư pháp về chuyên môn nghiệp vụ.*

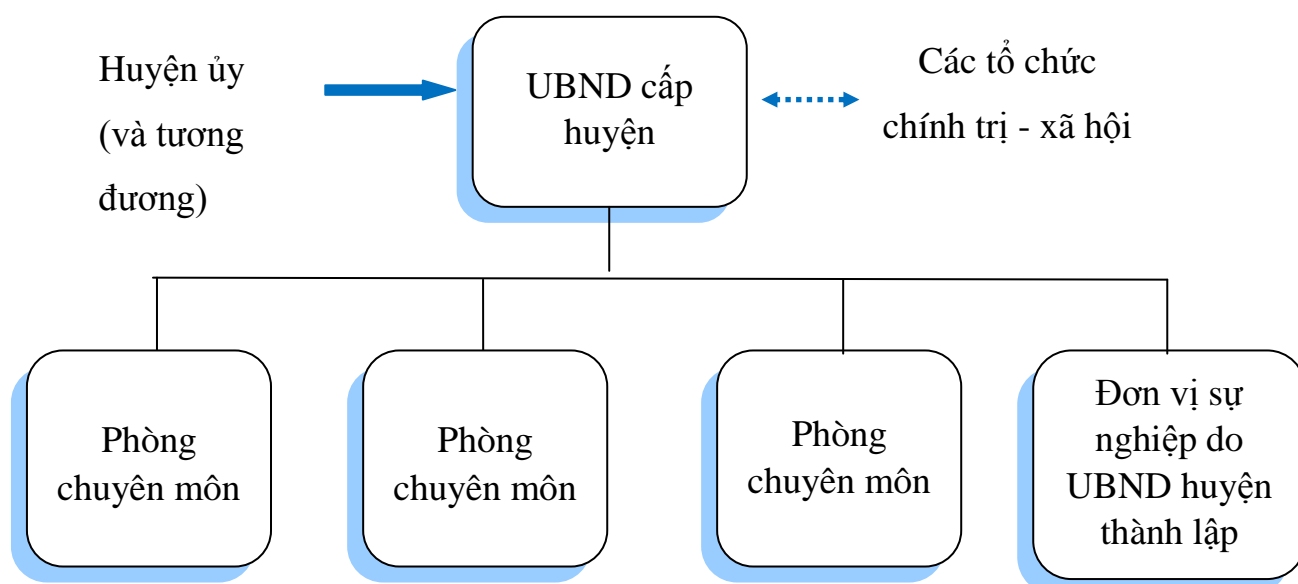
#### *1.1.2. Vị trí, vai trò của Phòng Tư pháp*

Tại Điều 111 Hiến pháp năm 2013 quy định HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên; UBND là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan HCNN ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, HĐND cùng cấp và cơ quan HCNN cấp trên [24,tr.28].

CQĐP ở huyện là cấp CQĐP gồm có HĐND huyện và UBND huyện. Để thực hiện nhiệm vụ chấp hành và điều hành của cơ quan HCNN tại địa phương, UBND cấp huyện có thẩm quyền trong việc tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương, quyết định những vấn đề của huyện trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát tổ chức và hoạt động của CQĐP cấp xã; chịu trách nhiệm trước CQĐP cấp tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐP ở huyện; quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động các nguồn lực để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan HCNN cấp trên ủy quyền.

Theo Điều 9 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, UBND cấp huyện được thành lập các cơ quan chuyên môn của mình để thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND thực hiện chức năng QLNN về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của UBND cấp huyện; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của cơ quan QLNN về ngành, lĩnh vực cấp trên thuộc UBND cấp tỉnh [28,tr.3].

Như vậy, trong hệ thống cơ quan HCNN được tổ chức ở cấp huyện, Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp việc UBND cấp huyện; đồng thời Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo nguyên tắc phụ thuộc hai chiều (song trùng trực thuộc).



### **Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy UBND cấp huyện**

Với vị trí là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện nên hoạt động của Phòng Tư pháp mang tính chất “tham mưu”, “giúp việc” và “tư vấn” cho UBND trong hoạt động quản lý hành chính. Cụ thể là tham mưu, tư vấn cho UBND cùng cấp về dự thảo các quyết định, các chương trình hoặc biện pháp QLNN, tham mưu cho UBND cùng cấp xây dựng và triển khai thực hiện



chương trình, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn hàng năm trên các lĩnh vực quản lý, hoặc giúp UBND quản lý một số hoạt động đối với tổ chức cá nhân trong phạm vi thẩm quyền của UBND cùng cấp ở địa phương, thực hiện những nhiệm vụ khi được UBND giao, ủy quyền, cũng như thực hiện hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân thuộc ngành, lĩnh vực QLNN ở địa phương.

Theo quy định tại Điều 7, Chương II, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 của Chính Phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã quy định Phòng Tư pháp có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp UBND cấp huyện trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, thực hiện chức năng QLNN về hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật, kiểm soát TTHC, kiểm tra, xử lý VBQPPL, PBGDPL, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, bồi thường nhà nước quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật [6,tr.5].

## **1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp**

Chức năng, nhiệm vụ của một cơ quan, tổ chức sẽ là cơ sở xác lập cơ cấu, tổ chức tương ứng của cơ quan, tổ chức đó. Chức năng của tổ chức nào đấy là để thực hiện nhiệm vụ đặt ra cho tổ chức này. Chức năng này sẽ được thể hiện về mặt pháp lý dạng các quyền và nghĩa vụ.

Phòng Tư pháp huyện là nơi triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động tư pháp từ huyện, thành, thị đến xã, phường, thị trấn. Chức năng của Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định 37/2014/NĐ-CP về cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cụ thể là: Phòng Tư pháp tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng QLNN về hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý

VBQPPL, kiểm soát TTHC, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, kể từ tháng 9/2017, hoạt động kiểm soát TTHC được chuyển giao từ trực thuộc Sở Tư pháp sang văn phòng UBND tỉnh. Vì vậy, ở cấp huyện, theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, hoạt động kiểm soát TTHC đã được UBND cấp huyện chuyển giao từ trực thuộc Phòng Tư pháp sang Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Tại Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Văn bản quy phạm này không chỉ khẳng định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế, phương thức hoạt động của Phòng Tư pháp UBND huyện mà còn tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc củng cố kiện toàn đội ngũ cán bộ, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Phòng Tư pháp, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của huyện, thành, thị và của ngành tư pháp.

Trong luận văn này, học viên triển khai phân tích và đánh giá các chức năng chủ yếu sau: Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát VBQPPL, quản lý và đăng ký hộ tịch, theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, PBGDPL và hòa giải cơ sở, cụ thể:

#### 1.2.1.1. Về hoạt động xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Kiểm tra VBQPPL là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất

của văn bản sau khi ban hành nhằm phát hiện, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật. Kiểm tra văn bản được thực hiện bởi các cơ quan, người có thẩm quyền trong nội bộ hệ thống cơ quan HCNN để xem xét tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của các văn bản.

Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản bao gồm: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và cấp huyện. Đối tượng của hoạt động kiểm tra văn bản là VBQPPL của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, HĐND và UBND các cấp. Hoạt động kiểm tra văn bản được thực hiện kết hợp giữa việc tự kiểm tra văn bản của cơ quan, người ban hành văn bản với việc kiểm tra văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền.

Hoạt động kiểm tra văn bản có vai trò, ý nghĩa trực tiếp là bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản sau khi ban hành, đồng thời có tác động mạnh mẽ trở lại hoạt động xây dựng pháp luật, giúp nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật ban hành văn bản, góp phần bảo đảm chất lượng của hệ thống pháp luật; hoạt động kiểm tra văn bản cũng tác động sâu sắc đến hoạt động thi hành pháp luật, bảo đảm chỉ đưa vào áp dụng trong đời sống những văn bản hợp hiến, hợp pháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Phòng Tư pháp thực hiện chức năng xây dựng, kiểm tra, kiểm soát VBQPPL được quy định tại các Khoản 5,6,7,8 Điều 5 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, cụ thể:

Về xây dựng VBQPPL: (i) Phối hợp xây dựng các quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp huyện do các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND cấp huyện chủ trì xây dựng; (ii) Thẩm định dự thảo các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND cấp huyện; góp ý dự thảo VBQPPL của HĐND cấp huyện theo quy định của pháp luật;

(iii) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của UBND cấp huyện và hướng dẫn của Sở Tư pháp [1, tr.13].

Về kiểm tra VBQPPL: (i) Phòng Tư pháp giúp HĐND và UBND cấp huyện tự kiểm tra văn bản do HĐND và UBND cấp huyện ban hành; hướng dẫn công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã thực hiện tự kiểm tra VBQPPL do UBND cấp xã ban hành; (ii) Thực hiện kiểm tra VBQPPL của HĐND và UBND cấp xã theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật [1, tr.14].

#### 1.2.1.2. Về hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch

Đăng ký và quản lý hộ tịch là nhiệm vụ quan trọng luôn được các quốc gia quan tâm thực hiện. Nhằm mục đích bảo vệ quyền con người, các quyền, nghĩa vụ của công dân và quản lý dân cư trên địa bàn tại địa phương một cách khoa học, phục vụ việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước. Trên thế giới, các sự kiện hộ tịch của con người từ khi sinh ra đến khi chết như khai sinh, kết hôn, khai tử, nuôi con nuôi, cải chính hộ tịch... đều được đăng ký và quản lý chặt chẽ.

Ở nước ta, QLNN về hộ tịch là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành, của CQĐP từ trung ương đến cơ sở. Năm 2014, Quốc Hội đã ban hành Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 để khẳng định tầm quan trọng của hoạt động này trong đời sống xã hội. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện những hoạt động như: ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện VBQPPL về hộ tịch: hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn về hộ tịch, ban hành quản lý hướng dẫn việc sử dụng các loại sổ sách, biểu mẫu hộ tịch: tổ chức tuyên truyền phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch; tổ chức việc đăng ký hộ tịch; giải quyết khiếu nại tố cáo về hộ tịch, hợp tác quốc tế về hộ tịch.

Theo quy định của luật, Phòng Tư pháp thực hiện chức năng quản lý và đăng ký hộ tịch gồm: (i) Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, thị trấn; (ii) Giúp UBND huyện thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật; đề nghị UBND huyện quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do UBND các xã, thị trấn cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật); (iii) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định; (iv) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật [26, tr.15].

1.2.1.3. Về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

*a) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật*

Theo dõi tình hình thi hành pháp luật là việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

UBND các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở xem xét, đánh giá các nội dung sau đây: (i) Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành VBQPPL; (ii) Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; (iii) Tình hình tuân thủ pháp luật.

Phòng Tư pháp thực hiện chức năng theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 6, Điều 18 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, cụ thể:

Về theo dõi thi hành pháp luật: (i) Xây dựng và trình UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

trên địa bàn; (ii) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã trong việc thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; (iii) Tổng hợp, đề xuất với UBND cấp huyện về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; (iv) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi QLNN của UBND cấp huyện [1, tr.14].

*b) Quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*

Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND cấp huyện báo cáo hoạt động thi hành pháp luật về xử lý VPHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương; đồng thời UBND huyện trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý VPHC nếu phát hiện các quy định về xử lý VPHC không khả thi, chồng chéo, không phù hợp thì kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Bộ Tư pháp để nghiên cứu, xử lý.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Phòng Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch UBND cấp huyện quản lý, báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý VPHC, cụ thể: (i) Phòng Tư pháp giúp UBND cấp huyện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo hoạt động thi hành pháp luật về xử lý VPHC tại địa phương; (ii) Đề xuất với UBND cấp tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau; (iii) Hướng dẫn nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý VPHC; (iv) Thực hiện thống kê về xử lý VPHC trong phạm vi quản lý của địa phương [22, tr.16].

1.2.1.4. Về Phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở

*PBGDPL* hiểu theo nghĩa rộng là hoạt động, lĩnh vực hoạt động, bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho việc thực hiện *PBGDPL* (xây dựng chương trình, kế hoạch *PBGDPL*; triển khai chương trình, kế hoạch *PBGDPL*

thông qua việc áp dụng các hình thức, biện pháp PBGDPL; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch PBGDPL). Hiểu theo nghĩa hẹp là: truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành.

Hoạt động PBGDPL đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống, nâng cao kiến thức và hiểu biết pháp luật cho cán bộ, nhân dân và góp phần ngăn ngừa, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật do thiếu kiến thức về pháp luật. Năm 2012, Quốc hội đã ban hành Luật PBGDPL và Chính phủ ban hành Nghị định số 128/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL, là cơ sở pháp lý quan trọng để toàn bộ hệ thống chính trị của các cấp, các ngành và địa phương nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện hoạt động này.

*Hòa giải ở cơ sở* là một hoạt động quan trọng nhằm mục đích giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân, phục vụ việc phòng ngừa và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng xóm làng, khu phố đoàn kết, yên vui, gia đình hạnh phúc.

Điều 27 Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đề ra nhiệm vụ: “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài”. Với ý nghĩa tốt đẹp, vai trò quan trọng của hoạt động hòa giải trong đời sống xã hội, Nhà nước ta đã xây dựng một hệ thống các văn bản pháp luật về Hòa giải ở cơ sở như: Pháp lệnh hòa giải cơ sở năm 1998; Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18/10/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh hòa giải; Chỉ thị số 03/CT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư

pháp về tăng cường hoạt động Hòa giải ở cơ sở; Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch số 100/2014/NQLT/CP-UBTUMTTTVN hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc Quy định một số mức chi cụ thể thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Thành viên các tổ hòa giải là những người có uy tín trong nhân dân, sống mẫu mực, có trình độ hiểu biết pháp lý cần thiết, có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, hoạt động một cách tự nguyện, tiến hành hòa giải theo phương châm “*phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn*”, hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp.

Hòa giải có tác dụng cơ bản là giải quyết kịp thời ngay từ đầu các tranh chấp, mâu thuẫn không để “việc đơn giản thành việc phức tạp”, ngăn ngừa những vi phạm pháp luật có thể nảy sinh từ các tranh chấp, góp phần giảm bớt khiếu kiện, các vụ việc phải đưa ra chính quyền hoặc Tòa án giải quyết, qua đó tiết kiệm thời gian, tiền bạc của nhân dân và Nhà nước; giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm, truyền thống tốt đẹp của các gia đình và cộng đồng dân cư, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới; góp phần giúp hoạt động QLNN của nhà nước đạt hiệu quả thiết thực ngay từ cơ sở thôn, xóm, khu dân cư...

Trong quá trình hoà giải ở cơ sở kết hợp với hoạt động tuyên truyền, PBGDPL đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Theo quy định của pháp luật, Phòng Tư pháp thực hiện chức năng PBGDPL và hòa giải ở cơ sở gồm: (i) Xây dựng, trình UBND cấp huyện ban



hành chương trình, kế hoạch PBGDPL và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành; (ii) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động phổ, biến giáo dục pháp luật tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND cấp xã trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn; (iii) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện; (iv) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định của pháp luật; (v) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở cấp xã và ở các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật; (vi) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở [25, tr.15].

1.2.1.5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật

Hệ thống các cơ quan Nhà nước nói chung và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trong đó có Phòng Tư pháp nói riêng được tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong đó có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực các cơ quan ngày quản lý.

Theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 và Thông tư liên tịch số 23/2013/NĐ-CP thì Phòng Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện những nhiệm vụ khác do UBND cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật [1, tr.17].

Những nhiệm vụ, quyền hạn mới của Phòng Tư pháp trong Thông tư liên tịch số 23/2013/NĐ-CP so với Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV gồm: Xây dựng xã phường tiếp cận pháp luật (Khoản 12 Điều 5); QLNN về hoạt động bồi thường nhà nước (Khoản 16 Điều 5).

Điều 99, Điều 101 và Điều 103 Luật Xử lý VPHC năm 2012 quy định Phòng Tư pháp có nhiệm vụ kiểm tra tính pháp lý đối với 3 loại hồ sơ: Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 quy định rõ hơn nhiệm vụ cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện trong hoạt động ban hành VBQPPL của CQĐP. Phòng Tư pháp được bổ sung các nhiệm vụ mới, cụ thể: Thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND cấp huyện (Điều 134); thẩm định dự thảo quyết định của UBND cấp huyện (Điều 139); phát biểu ý kiến về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (Điều 141).

### **1.3. Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp**

#### *1.3.1. Cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp*

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện nói chung và Phòng Tư pháp nói riêng không có cơ cấu bên trong. Nó là cơ quan được tổ chức theo mô hình chế độ thủ trưởng, nên về tổ chức Phòng Tư pháp gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các công chức khác. Trong đó: (i) Trưởng phòng tư pháp chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, toàn bộ hoạt động của phòng và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn; (ii) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách, theo dõi một số mặt hoạt động của phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; (iii) Hoạt động bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật hoặc miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Biên chế công chức của cán bộ Phòng Tư pháp do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định trong tổng biên chế công chức của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc bố trí hoạt động đối với công chức của Phòng Tư pháp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định và đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### 1.3.2. Hoạt động của Phòng Tư pháp

Hoạt động của Phòng Tư pháp cũng có thể xác định theo các hình thức hoạt động của nó. Theo đó, Phòng Tư pháp hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Hình thức hoạt động này khác với UBND hoạt động theo chế độ tập thể UBND kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch UBND, khác với hoạt động của HĐND theo chế độ hội đồng. Trong chế độ thủ trưởng hành chính, hoạt động của Phòng do công chức thực hiện theo sự phân công công việc, dưới sự chỉ đạo và phân công của trưởng phòng. Trong đó, trên cơ sở nhiệm vụ được xác định, Trưởng phòng chỉ đạo, điều hành hoạt động của phòng.

Hoạt động của Phòng theo nội dung, có thể chia thành các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp, đó là: Xây dựng, kiểm tra, kiểm soát VBQPPL, quản lý và đăng ký hộ tịch, theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, PBGDPL, hòa giải cơ sở và các nhiệm vụ khác do UBND cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Khác với các cơ quan QLNN mang tính chuyên ngành là Bộ và cơ quan ngang Bộ, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND đóng vai trò “tham mưu, giúp UBND” thực hiện các chức năng QLNN theo ngành trên địa bàn lãnh thổ, chịu sự chỉ đạo của UBND cùng cấp. Các hoạt động của Phòng Tư pháp huyện không chỉ mang tính chất hành chính - tư pháp mà còn mang tính chất xã hội rộng lớn. Việc triển khai thực hiện hoạt động tư pháp luôn đòi hỏi công chức thực thi hoạt động tư pháp phải biết đề cao vai trò của các tổ chức xã

hội, quần chúng nhân dân trong một số lĩnh vực nhất định, liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân như PBGDPL, hòa giải cơ sở, trợ giúp pháp lý...

#### **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp.**

##### *1.4.1. Vị trí, vai trò của Phòng Tư pháp*

Tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần đầu tiên năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến hội nghị, trong thư có đoạn viết: “... *Tư pháp là một cơ quan trọng yếu của Chính quyền, cho nên càng phải đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khác, để tránh những mối xích mích lẫn nhau, nó có thể vì lợi quyền nhỏ và riêng mà hại đến quyền lợi to và chung cho cả tư pháp và hành chính*”.

Tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc nhấn mạnh đến vai trò, ý nghĩa của pháp luật: “... *Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động...Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động... Phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn...*”

Theo Người, pháp luật là công cụ, phương tiện để nhà nước thực hiện quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, cùng với đó là yêu cầu phải xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước với một hệ thống pháp luật tương ứng, đồng bộ, ổn định sẽ tạo cơ sở pháp lý để bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả; cần phải xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tiễn đặt ra, để mỗi cơ quan được tổ chức ra thông qua hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy bộ máy nhà nước vận hành thông suốt, thống nhất đạt hiệu lực, hiệu quả. Lời khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy ngành Tư pháp nói chung và các Sở tư pháp, Phòng Tư pháp trong ngành hành pháp nói riêng có vị trí, vai trò quan trọng trong bảo đảm thực thi Hiến pháp và pháp luật, nâng cao hiệu

biết, ý thức chấp hành pháp luật, giữ vững an sinh xã hội và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay.

Phòng Tư pháp với vai trò là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, tư vấn giúp UBND cấp huyện trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, thực hiện Hiến pháp và các văn bản Luật, duy trì đảm bảo trật tự trên địa bàn huyện và góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, là cơ sở giảm thiểu các vi phạm pháp luật trên địa bàn.

Các nhiệm vụ xây dựng và theo dõi thi hành pháp luật, quản lý các hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý giúp cho hoạt động xét xử được tiến hành thuận lợi, hiệu quả. Hoạt động tư pháp hiện đang phản ánh tính thống nhất của quyền lực nhà nước và mối liên hệ chặt chẽ của ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, thể hiện rõ tính chất hành chính - tư pháp trong QLNN đối với các hoạt động tư pháp cũng như những hoạt động khác nhằm bảo đảm việc tôn trọng, thi hành Hiến pháp, tính thượng tôn của pháp luật trong mọi mặt của đời sống xã hội. Do đó, việc khẳng định, nâng cao ý thức về vị trí, vai trò của Ngành tư pháp nói chung và vị trí của Phòng Tư pháp nói riêng trong đời sống xã hội có vai trò quan trọng thúc đẩy các hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp đạt hiệu quả.

#### *1.4.2. Đội ngũ Cán bộ công chức*

Nếu như Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị thì đội ngũ CBCC hành chính là lực lượng quan trọng vận hành cỗ máy HCNN, giúp guồng máy hành chính hoạt động thông suốt từ trung ương đến địa phương. Trong nền hành chính của bất cứ quốc gia nào, CBCC luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Chất lượng CBCC ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta

hiện nay, đòi hỏi xây dựng bộ máy CBCC phải chuyên nghiệp, hiện đại, nhằm trở thành nguồn lực lớn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

CBCC phục vụ trong nhiều cơ quan, công sở khác nhau của bộ máy nhà nước, nhưng là một hệ thống thống nhất đồng bộ, có đặc trưng nghề nghiệp giống nhau, có mục tiêu thực hiện hoạt động công vụ giống nhau là phục vụ nhân dân, phục vụ nhà nước. Do đó việc xây dựng đội ngũ CBCC là yêu cầu thiết yếu nhằm đảm bảo tính thống nhất, phân cấp rõ rệt cũng như sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, giữa các cấp chính quyền.

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai hoạt động tư pháp năm 2018 (25/12/2017) của Bộ Tư pháp, Chủ tịch nước Trần Đại Quang khẳng định *“Yếu tố con người - đội ngũ cán bộ tư pháp giữ vai trò quyết định trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành tư pháp”*.

Cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước nói chung và trong tổ chức của Phòng Tư pháp nói riêng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp vì nhiệm vụ, quyền hạn đã được Luật định có được thực hiện hiệu lực, hiệu quả hay không chủ yếu dựa vào kết quả hoạt động của CBCC. Điều này, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ cán bộ là cầu nối giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân: *“Cán bộ là người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ để hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”*. Thực tế là mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ đều do cán bộ nghiên cứu đề xuất, đồng thời cũng do cán bộ tổ chức, hướng dẫn nhân dân thực hiện. Đường lối của Đảng đúng hay sai, tổ chức thực hiện thành hay không đều phụ thuộc vào cán bộ và *“Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*, *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”*.

Những năm vừa qua, hoạt động CCHC luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm chỉ đạo quyết liệt, coi đây là một trong những nội dung quan trọng

trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Trọng tâm cải cách hành chính đến năm 2020 là: “*Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để CBCC, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công*” [5].

**Bảng 1.1. Biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước ở nước ta từ năm 2015 - 2018**

Năm	Biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức HCNN Năm 2015, 2016, 2017, 2018			
	Tổng số (Biên chế)	Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập	Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện	Các cơ quan đại diện của VN ở nước ngoài
<b>2015</b>	276.055	112.266	162.704	1085
<b>2016</b>	271.916	110.559	160.272	1085
<b>2017</b>	268.084	109.146	157.853	1085
<b>2018</b>	263.621	107.392	155.161	1068

(Biên chế công chức cả nước năm 2015, 2016, 2017, 2018 - *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*)

Sau nhiều năm triển khai CCHC nhà nước, số lượng công chức trong các cơ quan tổ chức hành chính thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện chiếm số lượng lớn nhất trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức HCNN ở nước ta đã giảm dần về số lượng (Bảng 1.1) theo hướng tinh giản biên chế..., tuy nhiên chất lượng công chức chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ công chức bị trì trệ, thiếu tính nhạy bén, yếu kém về năng lực để thực hiện nhiệm vụ. Một bộ phận công chức suy thoái phẩm chất, đạo đức, thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tha

hoá về lối sống, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực. Một số nơi, quan hệ của họ với nhân dân thậm chí còn thiếu bình đẳng, thiếu tôn trọng, làm biến dạng những giá trị và tiêu chuẩn đích thực của người “*công bộc của nhân dân*”, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “*Người có tài mà không có đức là người vô dụng, người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó*”. Trong giai đoạn hiện nay, bộ máy nhà nước ta cần người cán bộ không những có tài mà còn phải có đức. Người căn dặn cán bộ tư pháp không những đòi hỏi phải chí công vô tư, chính trực, công bằng mà còn phải “*phụng công thủ pháp*”, là người “*phụ trách thi hành pháp luật*”, không để tư lợi chi phối, phải hết lòng phục vụ nhân dân, bảo vệ pháp luật.

Đội ngũ CBCC đóng vai trò quan trọng trong nền HCNN, là những người thay mặt cho chính quyền để giải quyết các công việc của nhân dân. Do đó, xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức đang là vấn đề có ý nghĩa sống còn không chỉ riêng của công cuộc CCHC mà của cả sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Trước yêu cầu của CCHC, cải cách tư pháp đòi hỏi mỗi CBCC nhà nước cần có bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, trình độ, năng lực, không ngừng được đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng xử lý công việc, giải quyết tốt các mối quan hệ trong tổ chức và với nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, luôn học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

#### *1.4.3. Vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu*

“*Người đứng đầu*” là thuật ngữ dùng để chỉ thiết chế giữ vị trí cao nhất trong tổ chức, thực hiện vai trò lãnh đạo, quản lý tổ chức. “*Trách nhiệm*” là những việc phải làm, được làm, nên làm với kết quả tốt, nếu kết quả không tốt sẽ phải gánh chịu phần hậu quả. Trên cơ sở những phân tích về thuật ngữ “*người đứng đầu*”, “*trách nhiệm*”, học viên hiểu trách nhiệm của người đứng



đầu là những việc mà người đứng đầu nên làm, phải làm, được làm với kết quả tốt, nếu kết quả không tốt, người đứng đầu sẽ phải chịu trách nhiệm.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước (gọi chung là người đứng đầu cơ quan) là người có vai trò lãnh đạo, chỉ huy, gánh vác các trách nhiệm, tổ chức thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ của cơ quan theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan là toàn bộ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà nhà nước giao cho người đứng đầu cơ quan. Khi người đứng đầu cơ quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao sẽ bị xử lý tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

Người đứng đầu cơ quan HCNN ở Việt Nam bao gồm các chức danh sau: Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các cấp, Giám đốc Sở, Trưởng phòng, Trưởng ban...

Nội dung pháp luật quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN được quy định tại Điều 10 Luật Cán bộ công chức, Điều 7 Nghị định 157/2007/NĐ-CP về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

Trong xu thế hướng đến một nhà nước pháp quyền và dân chủ, đồng thời, hướng đến nền hành chính phục vụ, vấn đề trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và những người làm việc trong các cơ quan đó là một đòi hỏi cấp thiết. Nếu xét từ luận điểm “*Nhà nước là những con số cộng gộp đơn*”, thì trách nhiệm của nhà nước là phép cộng trách nhiệm của các cá nhân làm việc trong bộ máy đó, mà trước hết phải là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Khi vai trò người đứng đầu được phát huy tốt sẽ góp phần quan trọng trong việc đánh giá hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền

hạn của người đứng đầu các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, trong đó có Phòng Tư pháp [6].

Do đó, đối với UBND cấp huyện là trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện và trưởng các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Do đó, việc đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, cụ thể về vị trí, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là một trong những yếu tố cơ bản quyết định tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của đơn vị, khắc phục chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, là cơ sở pháp lý để người đứng đầu phát huy tối đa khả năng lãnh đạo, quản lý và sự sáng tạo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

#### *1.4.4. Nhu cầu của xã hội về hoạt động tư pháp*

Để xây dựng nhà nước pháp quyền quản lý xã hội bằng pháp luật, với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, công dân có đủ các quyền tự do, dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Song song với sự phát triển hội nhập ngày càng mạnh mẽ, nhu cầu về các hoạt động tư pháp hành chính ngày càng nhiều và trở nên cần thiết. Những công việc như chứng nhận, xác nhận hồ sơ, đơn từ của tổ chức, giấy tờ của các cá nhân, việc khai sinh, khai tử, kết hôn, ly hôn, chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo trợ pháp lý... diễn ra thường xuyên, liên tục với khối lượng công việc ngày càng tăng. Tuy nhiên, một số nơi còn có những hiện tượng nhũng nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho người dân, chưa đáp ứng được quyền lợi chính đáng của người dân khi làm các thủ tục về đăng ký hộ tịch, công chứng, chứng thực. Tình trạng tiêu cực “cò” công chứng hay sự quá tải công chứng bản sao của một số phòng công chứng ở các thành phố lớn vẫn là vấn đề bức xúc được dư luận quan tâm, các cơ quan của chúng ta thấy rõ nhưng chậm khắc phục, xử lý.

Do đó, để đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong xã hội và ngăn chặn những vụ việc vi phạm phát sinh trong các lĩnh vực nêu trên, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật nhằm quy định những việc nêu trên thuộc phạm vi công chứng, chứng thực, hộ tịch, gia đình..., thống nhất các trình tự, thủ tục để tổ chức, cá nhân nắm rõ và thực hiện theo luật định; đồng thời tăng

cường công tác quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ, có biện pháp kiểm tra giám sát ngăn chặn, xử lý các vi phạm xảy ra.

Bên cạnh đó, tình hình thiếu hiểu biết về kiến thức pháp luật, vi phạm pháp luật còn nhiều, đặc biệt ở các vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; công tác an toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều bất cập, còn tình trạng lợi dụng mạng xã hội đưa tin xấu, bôi nhọ, gây mất niềm tin trong nhân dân. Điều này, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải tăng cường, thực hiện tốt hoạt động tuyên truyền, PBGDPL đối với nhân dân nhằm tăng cường kiến thức pháp luật.

Trong đời sống xã hội hiện nay vốn tồn tại nhiều mâu thuẫn, do đó việc hỗ trợ tư pháp cho người dân trong việc giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, địa phương, đảm bảo an ninh trật tự tại thôn, xóm, khu dân cư, tổ dân phố tại các địa phương là cần thiết và phòng tư pháp có trách nhiệm bồi dưỡng đội ngũ làm công tác này tại địa phương. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng các quy định pháp luật trong quản lý, phục vụ các tổ chức, cá nhân để các văn bản pháp luật đi vào thực tiễn đời sống xã hội được các tổ chức, cá nhân chấp hành, thực hiện theo đúng quy định.

Do đó, Phòng Tư pháp cấp huyện được tổ chức đảm bảo tham mưu, giúp việc UBND cùng cấp QLNN về hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, tuyên truyền PBGDPL, hòa giải cơ sở nhằm đưa pháp luật vào trong cuộc sống, trong các hoạt động chính trị, xã hội, góp phần ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### *1.4.5. Cải cách Hành chính nhà nước*

Hệ thống HCNN luôn trong quá trình động, vừa bảo đảm sự QLNN trên các lĩnh vực xã hội, vừa tìm cách thích ứng với những thay đổi của xã hội, của nền kinh tế. Đến một lúc nào đó, các yếu tố của nền hành chính nếu không có những thay đổi, cải cách sẽ trở thành lực cản, làm cho hiệu lực, hiệu quả HCNN kém đi, đó là lúc nền hành chính cần phải được cải cách một cách tổng thể hoặc cải cách một số yếu tố đang bất cập.

Theo Liên hiệp quốc , CCHC là những nỗ lực có chủ định nhằm tạo nên những thay đổi cơ bản bên trong hệ thống HCNN thông qua các cuộc cải cách hoặc thay đổi các phương thức để cải tiến ít nhất một trong những yếu tố cấu thành nên HCNN. Theo Từ điển kinh tế GABLER thì khái niệm CCHC bao gồm các cải cách về tổ chức, nhân sự, quy trình và công vụ cũng như các biện pháp thích ứng của hành chính công nhằm tạo ra các cơ quan hành chính hiệu quả, thể chế hóa các thẩm quyền hành chính một cách rõ ràng, đơn giản hóa hành chính và gần dân. Do đó, *cải cách HCNN là góp phần tạo nên những thay đổi trong các yếu tố cấu thành của nền hành chính nhằm làm cho các cơ quan HCNN hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn, phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội tốt hơn.*

Mục tiêu cải cách hành chính ở Việt Nam trong những năm qua là thực hiện xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, tiết kiệm, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn. Công cuộc cải cách hành chính ở Việt nam đã được tiến hành nhiều năm nay với những bước đi lộ trình khác nhau từ thấp tới cao (các giai đoạn CCHC ở nước ta gồm: 1986 - 1995, 1995 - 2001, 2001 - 2010, 2011 - 2020).

Trong những năm qua cải cách hành chính ở Việt Nam đã góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền đó là:

Về thể chế hành chính đã sửa đổi Hiến pháp, ban hành các Luật mới và các văn bản dưới luật về tổ chức bộ máy nhà nước; Sửa đổi bổ sung một số điều Pháp lệnh CBCC; ban hành các nghị định để cụ thể hóa Pháp lệnh, CBCC... Điều quan trọng là: các văn bản về tổ chức bộ máy nhà nước là đã quy định khá cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, từng bước thể hiện sự phân cấp trong quản lý giữa Trung ương và địa phương; các văn bản pháp luật về công vụ, CBCC đã quy định khá cụ thể các quyền, nghĩa vụ của các CBCC và đã bước đầu đi theo hướng chuyên biệt hoá các đối tượng những người phục vụ trong cơ quan, tổ chức nhà nước.

Về bộ máy hành chính đã giảm dần các đầu mối quản lý, số lượng các cơ quan QLNN đã giảm xuống đáng kể, thủ tục hành chính được cải cách

theo hướng "một cửa", mẫu hóa các văn bản hành chính, giấy tờ, công khai các TTHC. Chính việc cải cách TTHC này đã góp phần hạn chế sự sách nhiễu, phiền hà, tham nhũng của các công chức hành chính trong khi giải quyết các công việc của công dân.

Do Bộ máy HCNN ta được tổ chức theo ngành, chức năng kết hợp với quản lý theo địa phương nên trong giai đoạn cải cách HCNN, bộ máy HCNN ở địa phương trong đó có tổ chức Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện đã và đang được tiếp tục củng cố, kiện toàn theo hướng tinh giản về số lượng, với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, khoa học, trên cơ sở xác định rõ tính chất quản lý của chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn, vừa bảo đảm tính thống nhất, vừa bảo đảm tính đặc thù của mỗi địa phương trong cả nước.

Các kết quả CCHC nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp, đặt ra yêu cầu trong thực hiện Chương trình tổng thể cải cách HCNN giai đoạn 2011 - 2020 và Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa hiện nay là tiếp tục củng cố, hoàn thiện bổ sung lớn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tiến trình CCHC, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế. Các văn bản pháp luật về hoạt động VBQPPL, PBGDPL, công chứng, chứng thực, hộ tịch, thi hành án dân sự... cũng đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan tư pháp các cấp và mối quan hệ phối hợp với các sở, ban, ngành ở địa phương, đây là điều kiện thuận lợi rất lớn cho các Phòng Tư pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của mình.

### **Tiểu kết chương**

Những vấn đề lý luận và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp cấp huyện giúp chúng ta có nhận thức đầy đủ, toàn diện về tổ chức, hoạt động của CQĐP nói chung và của Phòng Tư pháp nói riêng đối với hoạt động quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, hành chính tư pháp tại UBND cấp huyện. Thực

hiện mục tiêu của cải cách HCNN, cải cách tư pháp và Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước đòi hỏi bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương phải được tổ chức tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, do đó nhiệm vụ thường xuyên là phải không ngừng hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước trong đó có Phòng Tư pháp là tất yếu.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TẠI TỈNH PHÚ THỌ

#### 2.1. Tác động của điều kiện địa phương đến tổ chức và hoạt động của các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ

##### 2.1.1. Các điều kiện tự nhiên, dân cư

Phú Thọ là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc của đất nước, nằm trên trục hành lang kinh tế Hải phòng - Hà Nội - Công Minh (Trung Quốc), phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía Tây tiếp giáp thành phố Hà Nội, phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình, phía Bắc giáp tỉnh Yên Bái và Tuyên Quang; cách sân bay quốc tế nội bài 50km, cách Trung tâm thành phố Hà Nội 80km, cách cảng Hải Phòng 170km, cách cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu (giữa Lào Cai - Việt Nam và Vân Nam - Trung Quốc) và cửa khẩu Thanh Thủy - Lạng Sơn 200km và là nơi hợp lưu của ba con sông lớn: sông Hồng, sông Đà và sông Lô.

Tỉnh Phú Thọ hiện nay có diện tích tự nhiên 3.534,6km<sup>2</sup>, gồm 34 dân tộc anh em, dân số hơn 1,39 triệu người, mật độ dân số 394 người/km<sup>2</sup> (*Theo niên giám Thống kê tỉnh Phú Thọ năm 2017*). Toàn tỉnh có 13 huyện, thành, thị gồm: Thành phố Việt Trì (là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh Phú Thọ và là thành phố về miền lễ hội cội nguồn các dân tộc Việt Nam), thị xã Phú Thọ và các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Thanh Ba, Đoan Hùng, Lâm Thao, Phù Ninh với 277 xã, phường, thị trấn.

**Bảng 2.1. Danh sách các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Phú Thọ**

Các huyện, thành, thị	Số đơn vị hành chính			
	Tổng số	Thị trấn	Phường	Xã
TP. Việt Trì	23		13	10
Thị xã Phú Thọ	10		5	5
Huyện Đoan Hùng	28	1		27
Huyện Hạ Hòa	33	1		32

Huyện Thanh Ba	27	1		26
Huyện Phù Ninh	19	1		18
Huyện Yên Lập	17	1		16
Huyện Cẩm Khê	31	1		30
Huyện Tam Nông	20	1		19
Huyện Lâm Thao	14	1		13
Huyện Thanh Sơn	23	1		22
Huyện Thanh Thủy	15	1		14
Huyện Tân Sơn	17	1		16

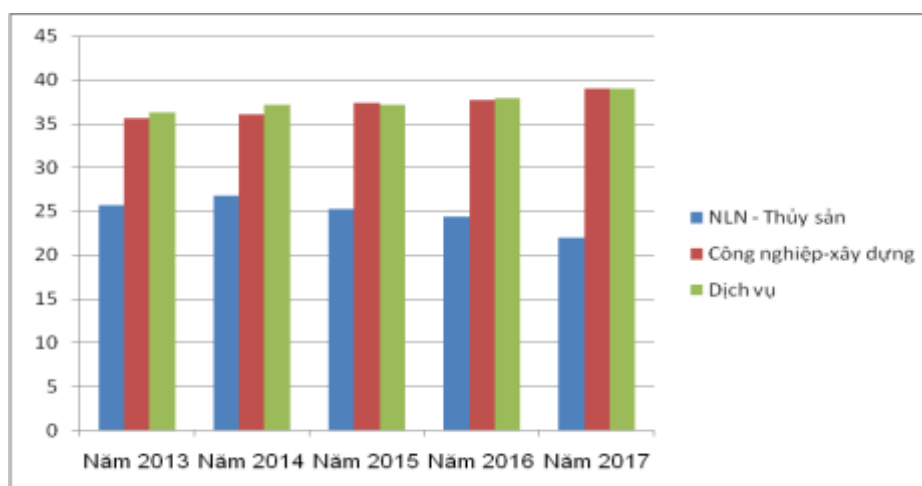
(Theo Niên giám thống kê 2017 - Cục thống kê tỉnh Phú Thọ)

### 2.1.2. Các điều kiện kinh tế, văn hóa - giáo dục

Những năm gần đây, kinh tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tiếp tục duy trì tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tính đến năm 2017 theo giá so sánh 2010 ước đạt 35.634,5 tỷ đồng, tăng 7,75%; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,66%; khu vực dịch vụ tăng 7,48%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%.

#### Hình 2.1. Cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: %



Cơ cấu kinh tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013 - 2017 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiên bộ, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh đó là: giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế (cơ cấu giá trị tăng thêm) năm 2017: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 22,00% (năm



2016 đạt 24,34%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 38,99% (năm 2016 đạt 37,73%); khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 39,01% (năm 2016 đạt 37,93%). Từ năm 2014 - 2017, số doanh nghiệp đã được cấp đăng ký thành lập mới toàn tỉnh là 651 doanh nghiệp.

Để thu hút đầu tư, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến hợp tác đầu tư, kinh doanh lâu dài trên địa bàn tỉnh. Tại địa bàn mỗi huyện, thành, thị xã cần phải có môi trường đầu tư thuận lợi, đơn giản hóa các TTHC trong đăng ký kinh doanh, đầu tư, các chính sách phát triển kinh tế của tỉnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp, đòi hỏi hoạt động xây dựng VBQPPL ở mỗi huyện, thành, thị phải được thực hiện đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật, hợp hiến, hợp pháp, có tính khả thi; đơn giản hóa hoặc bãi bỏ những TTHC phức tạp, gây cản trở cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Để thực hiện nhiệm vụ này, Phòng Tư pháp có vai trò tham mưu với UBND huyện, phối hợp với các phòng chuyên môn cùng cấp trong triển khai và kiểm tra quá trình thực hiện các quy định pháp luật của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tập thể, cá nhân đóng trên địa bàn, bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu của doanh nghiệp và lợi ích của nhân dân địa phương, cam kết các vấn đề về môi trường.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra như: *“Triển khai thực hiện hiệu quả khâu đột phá về đầu tư kết cấu hạ tầng then chốt, đặc biệt chú trọng xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các dự án, công trình quan trọng tạo sự lan tỏa; quan tâm thu hút các dự án đầu tư có tính kết nối liên vùng nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ, hiện đại hạ tầng các khu công nghiệp Phú Hà, Cẩm Khê, Phù Ninh, Trung Hà. Đầu tư kết cấu hạ tầng thành phố Việt Trì, nâng cấp thị xã Phú Thọ lên thành phố...”*[13, tr3]. Do đó, tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện có trụ sở các khu công nghiệp (như Cẩm Khê, Đoan Hùng, Phù Ninh, Lâm Thao,

Thanh Sơn, Hạ Hòa) dân số, việc đăng ký hộ khẩu ngày càng tăng, việc hộ tịch như đăng ký khai sinh, kết hôn, điều chỉnh hộ tịch, chứng thực văn bản, hợp đồng; PBGDPL, hòa giải cơ sở... đặt ra yêu cầu đối với UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh phải tăng cường thực hiện QLNN về hoạt động hành chính tư pháp, đối với các TTHC phát sinh tại địa bàn cơ sở và Phòng Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện các việc trên. Đồng thời, Phòng Tư pháp là cơ quan đảm bảo việc đưa pháp luật vào cuộc sống, hướng dẫn nhân dân, người mới nhập cư thực hiện tốt các quy định của pháp luật, của địa phương; tổ chức và bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật cho đội ngũ tuyên truyền viên, tổ hòa giải cơ sở tại các phường, khu dân cư, thôn, xóm, góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hằng ngày tại địa bàn cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tập trung nhiều cơ sở đào tạo như 02 trường Đại học, 11 trường Cao Đẳng, 05 trường Trung cấp nghề, 13 trung tâm giáo dục thường xuyên, 318 trường mầm non, 299 trường tiểu học, 255 trường trung học cơ sở và 5 trường phổ thông cơ sở; 44 trường trung học phổ thông... thu hút hàng nghìn học sinh, sinh viên chưa kể các trường đại học cũng mở các mã ngành đào tạo cao học như Đại học Hùng Vương, Đại học Công nghiệp Việt Trì,... cũng thu hút hàng trăm học viên tham gia học tập, nghiên cứu. Hoạt động PBGDPL cho các đối tượng là học sinh sinh viên, đặc biệt là học sinh ở các bậc học phổ thông luôn được chú trọng nhằm tăng cường kiến thức pháp luật cho học sinh về an toàn giao thông, tệ nạn xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, Phòng Tư pháp huyện đã tham mưu, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện trong hoạt động tổ chức các hoạt động PBGDPL cho học sinh các cấp học trên địa bàn, góp phần tích cực, hiệu quả vào sự hình thành, phát triển nhân cách của học sinh, ngăn chặn tình trạng tai nạn giao thông, các vụ việc vi phạm pháp luật đáng tiếc xảy ra, đặc biệt là đối với thanh, thiếu niên.

Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động xóa đói giảm nghèo tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể (theo tiêu chí mới còn dưới 10%), tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 12,52% (năm 2013) giảm xuống còn 8,9%, (năm 2017) [38,42], đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Có được kết quả trên là do sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Tư pháp với các phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành, thị với chính quyền UBND các xã thực hiện hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, truyền thông nâng cao nhận thức trong giảm nghèo, phát huy năng lực đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở trong việc khuyến khích động viên người nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các doanh nghiệp và toàn xã hội để thúc đẩy giảm nghèo bền vững.

## **2.2. Thực tiễn tổ chức và hoạt động của các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại tỉnh Phú Thọ**

### *2.2.1. Quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động Phòng Tư pháp*

Từ khi Bộ Tư pháp được thành lập lại năm 1981 thì hệ thống ngành tư pháp đã được hình thành, Sở Tư pháp, các Phòng Tư pháp cấp huyện, thành, thị xã được thành lập cùng với các Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn đã tạo thành một hệ thống tổ chức chặt chẽ của ngành xuyên suốt 4 cấp từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

Do yêu cầu phát triển của đất nước và tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước trong việc nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, ngày 4/6/1993, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp, trong đó có quy định về hệ thống tổ chức tư pháp ở địa phương. Để thi hành Nghị định số 38-CP, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/TTLB ngày

26/7/1993 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan tư pháp địa phương, trong đó: cấp tỉnh có Sở Tư pháp; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có Phòng Tư pháp; cấp xã, phường, thị trấn có Ban Tư pháp.

Trước năm 2014, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp cấp huyện được quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV.

Từ năm 2014 đến nay, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp cấp huyện được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 bổ sung thêm các nhiệm vụ mới của Phòng Tư pháp và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được ban hành đã quy định chức năng, quyền hạn cụ thể của các cơ quan chuyên môn của chính quyền địa phương ở cấp tỉnh và cấp huyện, là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng QLNN về ngành, lĩnh vực ở địa phương, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

### *2.2.2. Thực tiễn tổ chức Phòng Tư pháp*

#### *2.2.2.1. Tổ chức bộ máy Phòng Tư pháp*

Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện QLNN về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý VBQPPL; kiểm soát TTHC; PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Phòng Tư pháp còn được UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp giao nhiệm vụ tư vấn pháp lý trong giải quyết nhiều vụ việc cụ thể với tần suất ngày càng cao.

Công chức Phòng Tư pháp cấp huyện được bố trí theo loại đơn vị hành chính. Đơn vị hành chính lớn hơn được bố trí biên chế nhiều hơn; số lượng biên chế cơ cấu chuyên môn theo đó sẽ tỷ lệ thuận với quy mô biên chế được giao. Nhưng thực tế bố trí tại các địa phương chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Ví dụ: Đối với cấp huyện, trong tổng số 13 đơn vị hành chính của tỉnh, có 1 đô thị loại I (thành phố Việt Trì), 1 đô thị loại III (thị xã Phú Thọ), 8 huyện loại II (Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Phù Ninh, Cẩm Khê), 3 huyện loại III (Tam Nông, Thanh Thủy, Lâm Thao). Tuy nhiên, một số Phòng Tư pháp thuộc huyện loại III được bố trí biên chế nhiều hơn Phòng Tư pháp huyện loại II (*Phần Phụ lục - Bảng 2.3*).

#### 2.2.2.2. Đội ngũ công chức Phòng Tư pháp

Đội ngũ công chức của các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh có chức trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và được Chủ tịch UBND cùng cấp giao cho Phòng Tư pháp.

- Về số lượng: Tổng số công chức trong biên chế của 13 Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là 36 người, bình quân có 2,77 công chức/Phòng Tư pháp. Trong đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý là 23 người.

Theo quy định của pháp luật, biên chế các Phòng Tư pháp được đảm bảo tối thiểu 04 công chức. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có Phòng Tư pháp Việt Trì đảm bảo về số lượng. Một số Phòng Tư pháp chỉ có 01 hoặc 02 biên chế. Ví dụ: Phòng Tư pháp huyện Đoan Hùng 01 biên chế; Phòng Tư pháp các huyện Lâm Thao, Thanh Sơn, Thanh Ba, Yên Lập có 02 biên chế.

- Về chất lượng CBCC: (i) Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 04 cán bộ (chiếm 11%), Đại học 32 cán bộ (chiếm 89%). Trong đó, chuyên môn luật 30 cán bộ (chiếm 83%), chuyên môn khác 06 cán bộ (chiếm 17%). (ii) Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị 10 cán bộ (chiếm 27,8%); trung cấp lý luận chính trị 24 cán bộ (chiếm 66,6%), sơ cấp lý luận chính trị 02 cán bộ (chiếm 5,6%). (iii) QLNN: Có 36/36 cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến

thức về QLNN, trong đó có 01 cán bộ là chuyên viên chính và 35 cán bộ là chuyên viên. (iv) Trình độ ngoại ngữ: Có 36/36 cán bộ có trình độ ngoại ngữ, trong đó: 01 cán bộ có trình độ đại học (chiếm 2,8%); và 35 cán bộ có chứng chỉ (chiếm 97,2 %). (v) Trình độ tin học: Có 01 cán bộ trình độ trung cấp (chiếm 2,8%); và 35 cán bộ có chứng chỉ (chiếm 97,2 %).

- Về đào tạo, bồi dưỡng:

Số CBCC được Sở Tư pháp chủ trì tổ chức hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong 5 năm 2013 - 2017 là: 1453 lượt người. Trong đó, năm 2013: 287 người, 2014: 291 người, 2015: 298 người, 2016: 295 người, 2017: 282 người. Ngoài ra, hằng năm để triển khai các quy định mới của pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành Tư pháp, Cục theo dõi và thi hành pháp luật về xử lý VPHC, Cục Hộ tịch, quốc tịch... thống nhất quán triệt các nội dung mới trong hoạt động phổ biến văn bản pháp luật trên địa bàn tỉnh đối với lãnh đạo các huyện, thành, thị và công chức chuyên môn của Phòng Tư pháp như tập huấn các quy định pháp luật về Hộ tịch, về xây dựng VBQPPL, về xử phạt VPHC, các Bộ luật, Luật, Nghị định mới ban hành (Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Trợ giúp pháp lý,...).

- Về vị trí việc làm:

Trước năm 2014, Phòng Tư pháp cấp huyện có 20 nhiệm vụ theo Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV. Từ năm 2014 đến nay, theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV Phòng Tư pháp được bổ sung thêm 06 nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, đến nay nhiệm vụ mới đang phải thực hiện nhưng chưa được bổ sung biên chế.

**Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng công chức các Phòng Tư pháp  
thuộc UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ  
từ năm 2013 đến 2017**

<b>Năm</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
Số lượng cán bộ Phòng Tư pháp (người)	46	45	45	45	36
Bình quân	<i>3,5 công chức/Phòng Tư pháp</i>	<i>3,4 công chức/Phòng Tư pháp</i>	<i>3,4 công chức/Phòng Tư pháp</i>	<i>3,4 công chức/Phòng Tư pháp</i>	<i>2,77 công chức/Phòng Tư pháp</i>

Tổng biên chế của các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh hiện nay so với thời điểm trước năm 2014 giảm 10 người, trong khi khối lượng công việc lĩnh vực tư pháp ngày càng gia tăng. Đơn cử trong quản lý đăng ký hộ tịch, do sự gia tăng về quy mô dân số, tỷ lệ đăng ký khai sinh trên toàn tỉnh tăng từ 27.141 năm 2013 lên 30.048 năm 2017; tỷ lệ đăng ký khai tử tăng từ 6.767 trường hợp năm 2013 lên 7.469 năm 2017, đăng ký kết hôn tăng từ 10.556 năm 2013 lên 11.241 năm 2017. Với sự gia tăng về quy mô dân số và phát triển kinh tế, dự báo lượng việc tư pháp, nhất là việc trong lĩnh vực hộ tịch còn tiếp tục tăng cao so với giai đoạn hiện nay.

Như vậy, với tình hình bố trí công chức tư pháp tại tỉnh Phú Thọ như hiện nay chưa thể đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả tất cả chức năng, nhiệm vụ. Đội ngũ công chức tư pháp còn thiếu so với yêu cầu của vị trí việc làm, một bộ phận còn yếu về trình độ tin học, ngoại ngữ; vai trò, vị trí của Phòng Tư pháp trong bộ máy hành chính các cấp chưa được nhận thức, đánh giá đúng tầm vóc so với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, tính chất công việc; một số nơi, cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của hoạt động tư pháp.

### 2.2.3. Thực tiễn hoạt động của các Phòng Tư pháp tại tỉnh Phú Thọ

#### 2.2.3.1. Về xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật

Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp huyện, các dự thảo VBQPPL, kèm theo hồ sơ do cơ quan chủ trì dự thảo chuyển đến Phòng Tư pháp đã phân công công chức chuyên môn thực hiện thẩm định hoặc chủ động đề xuất với UBND huyện tổ chức hội nghị xin ý kiến các ngành, phòng, ban của huyện về những vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực... Kết quả thẩm định được thể hiện bằng báo cáo thẩm định gửi kèm dự thảo và hồ sơ đề nghị thẩm định do cơ quan chủ trì soạn thảo. Ví dụ: Năm 2014, Phòng Tư pháp huyện, thành, thị đã tham gia chủ trì soạn thảo 126 VBQPPL của HĐND, UBND cùng cấp; tham gia thẩm định 93 quyết định, chỉ thị của UBND cấp huyện; Năm 2015, các Phòng Tư pháp đã tham gia thẩm định 42 dự thảo VBQPPL; Năm 2016, Phòng Tư pháp đã tham gia thẩm định 27 dự thảo VBQPPL.

Hoạt động kiểm tra VBQPPL gắn kết với hoạt động xây dựng, kiểm soát văn bản và theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã hình thành cơ chế đồng bộ trong việc theo dõi, kịp thời phát hiện và kiến nghị hoàn thiện các văn bản có sai sót và tham mưu cấp thẩm quyền kịp thời xử lý. Đồng thời, thông qua hoạt động rà soát văn bản đã tạo cơ sở pháp lý cho các ngành, các cấp vận dụng khi tiến hành kiểm tra, tự kiểm tra nhằm phát hiện những văn bản trái pháp luật, hết hiệu lực, không còn phù hợp với quy định pháp luật để kịp thời tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với quy định hiện hành.

Kết quả hoạt động kiểm tra rà soát VBQPPL của UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn năm 2013 - 2017 (Bảng 2.4) cho thấy số văn bản không đảm bảo về căn cứ pháp lý, thể thức giảm dần theo các năm, hoạt động xây dựng VBQPPL dần đi vào nề nếp, đạt chất lượng cả về mặt nội dung và thể thức trình bày, số văn bản sai sót giảm rõ rệt. Ví dụ: năm 2014 trong tổng số 2.077 văn bản được kiểm tra, phát hiện 236 VPQPPL vi phạm về thẩm quyền



ban hành và nội dung văn bản; năm 2015 trong tổng số 744 văn bản được kiểm tra, phát hiện 19 VPQPPL vi phạm về thể thức, kỹ thuật trình bày.

#### 2.2.3.2. Về quản lý và đăng ký hộ tịch

Quản lý Hộ tịch và đăng ký Hộ tịch là phương thức để Nhà nước quản lý dân cư, đồng thời phục vụ cho các hoạt động quản lý trong các lĩnh vực quan trọng khác như: Trật tự an toàn xã hội, An ninh, Quốc phòng, Y tế,... bên cạnh đó các số liệu thống kê Hộ tịch còn rất cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạch định chính sách kinh tế xã hội.

Ngay sau khi Luật Hộ tịch 2014 được ban hành, Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp UBND cùng cấp thực hiện: (i) Tổ chức hội nghị triển khai Luật Hộ tịch cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể; thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL; báo cáo viên pháp luật; cán bộ lãnh đạo, cán bộ hộ tịch các xã, phường, thị trấn trên địa bàn để thực hiện; (ii) Tuyên truyền các quy định của luật đến mọi tầng lớp nhân dân trên hệ thống truyền thanh; (iii) Phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh tổ chức tập huấn cho 419 cán bộ tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã [26, tr.7]

Các Phòng Tư pháp đã tham mưu cho Sở Tư pháp, UBND cùng cấp trong triển khai thực hiện “*Đề án ứng dụng CNTT trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch ở ba cấp tỉnh, huyện, xã*”, phối hợp với Sở Tư pháp cử cán bộ tư pháp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch xã tham gia 02 lớp đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm hoạt động hộ tịch đảm bảo chủ động giải quyết các yêu cầu của nhân dân về đăng ký các sự kiện khai sinh, kết hôn, ly hôn, nhận nuôi con nuôi, giám hộ, nhận cha mẹ, con, khai tử, thay đổi, cải chính hộ tịch. Ví dụ: Năm 2017, Tỷ lệ đăng ký khai sinh trên toàn tỉnh tăng từ 27.141 năm 2013 lên 30.048 năm 2017; tỷ lệ đăng ký khai tử tăng từ 6.767 trường hợp năm 2013 lên 7.469 năm 2017, đăng ký kết hôn tăng từ 10.556 năm 2013 lên 11.241 năm 2017 [42, tr.5].

Hằng năm, Phòng Tư pháp thực hiện việc kiểm tra hoạt động Tư pháp - Hộ tịch tại các xã, phường trên địa bàn nhằm chấn chỉnh, uốn nắn những sai sót, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện đăng ký hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường như : đăng ký lại việc sinh khi vẫn còn sổ gốc, cấp bản sao hộ tịch không có sổ gốc, cấp phát các loại sổ, biểu mẫu hộ tịch mới, duy trì mô hình giải quyết liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn theo Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT...

Từ tháng 01/2017, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã được trang bị máy tính và cài đặt ứng dụng phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch (Phần mềm Hộ tịch) tại các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh. Phần mềm đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ đăng ký và quản lý hộ tịch theo Luật Hộ tịch năm 2014, như: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử, cải chính hộ tịch,... Hiện nay, toàn tỉnh đã có 13/13 huyện, thành, thị và 224/277 xã, phường, thị trấn khai thác, sử dụng phần mềm hộ tịch. Việc trang bị máy tính, kết nối mạng Internet, máy in phục vụ hoạt động đăng ký hộ tịch cũng được các địa phương quan tâm, đã có 13/13 Phòng Tư pháp cấp huyện được đầu tư máy độc lập (đạt 100%), 126/277 xã, phường, thị trấn được đầu tư máy độc lập (đạt 45,5%) và 98 xã, phường, thị trấn dùng chung máy của văn phòng hoặc máy cá nhân (*Tính đến tháng 12/2017*) [42, tr.7].

Ứng dụng phần mềm Hộ tịch trong việc đăng ký khai sinh, cấp giấy tờ hộ tịch bằng phần mềm hộ tịch, in máy, không phải viết thủ công đảm bảo thuận tiện trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, đồng thời giảm áp lực công việc đối với CBCC Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch, đã góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động QLNN về hộ tịch, tăng năng suất làm việc và nâng cao trình độ xử lý công việc cho công chức tư pháp hộ tịch của Phòng Tư pháp và UBND các xã, phường, thị trấn. Từ đó, góp phần xây dựng hình ảnh đẹp về người cán bộ tận tụy phục vụ nhân dân, giảm thiểu các

yêu cầu gây phiền hà cho người dân nhờ ứng dụng tin học hóa hoạt động quản lý; hoạt động tra cứu thông tin thuận tiện hơn, giảm bớt thời gian xử lý hồ sơ và thời gian đi lại của nhân dân.

Kết quả đăng ký hộ tịch năm 2017 trên “Phần mềm Hộ tịch” như sau: đăng ký khai sinh 29.861 trường hợp, đăng ký khai tử 7.403 trường hợp, đăng ký kết hôn 11.215 trường hợp, thay đổi, cải chính hộ tịch 1.516 trường hợp, đăng ký giám hộ 22 trường hợp và đăng ký chấm dứt giám hộ 01 trường hợp, đăng ký nuôi con nuôi 40 trường hợp, đăng ký nhận cha, mẹ, con 169 trường hợp, cấp trích lục hộ tịch 37.991 trường hợp [42, tr.7].

2.2.3.3. Theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Để triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và các văn bản hướng dẫn, UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch và thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành về hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC trên một số lĩnh vực: xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm...; tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cho 287 cán bộ tư pháp, báo cáo viên pháp luật cấp huyện. Đồng thời, chủ tịch UBND cấp huyện cũng đã lựa chọn hình thức phù hợp tổ chức triển khai, quán triệt cho công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc UBND cấp xã trên địa bàn. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật XLVPHC và các văn bản liên quan nhìn chung thực hiện kịp thời hiệu quả, góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm, ý thức tuân thủ đúng pháp luật, chấp hành pháp luật của CBCC, viên chức, các tổ chức, cá nhân do vậy trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra các vụ việc vi phạm pháp luật hành chính lớn, phức tạp.

Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp UBND huyện, thành, thị cử lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo, cán bộ Phòng Tư pháp, cán bộ phụ trách về xử lý VPHC trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường, an ninh trật tự,... của các

phòng ban, công an và lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn áp dụng pháp luật về xử lý VPHC trên địa bàn do Cục Quản lý xử phạt vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ tổ chức.

Vi phạm hành chính diễn ra hằng ngày, thậm chí hằng giờ trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Căn cứ vào Luật Xử lý VPHC, các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh đã tham mưu UBND huyện, thành, thị thường xuyên thành lập các tổ kiểm tra, đoàn kiểm tra liên ngành theo chuyên đề: Y tế, an toàn thực phẩm, phòng chống tác hại thuốc lá; an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy, nổ... để kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi VPHC.

Tình hình xử phạt VPHC theo thống kê từ năm 2012 - 2017, đã phát hiện 19.364 vụ vi phạm, trong đó đã xử phạt 19.184 vụ, thu 40.886.825.000 đồng; chưa xử phạt 117 quyết định; Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: 9.859.108.100 đồng. Tình hình áp dụng các biện pháp Xử lý VPHC: Theo thống kê số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 844 đối tượng; đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 571 đối tượng; số đối tượng đang chấp hành quyết định: 104 đối tượng; đối tượng được giảm thời hạn chấp hành: 03 đối tượng; đối tượng miễn chấp hành thời gian còn lại: 03 đối tượng.

Quá trình triển khai thi hành Luật Xử lý VPHC trên địa bàn, Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp UBND cùng cấp báo cáo tổng hợp những vướng mắc, bất cập các quy định của pháp luật xử lý VPHC về Sở Tư pháp tỉnh như sau:

Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính: cùng một hành vi vi phạm mà hành vi này xảy ra tại nhiều thời điểm khác nhau nhưng chưa bị phát hiện, khi phát hiện ra hành vi vi phạm sẽ xử phạt 1 lần và áp dụng tình tiết tăng nặng (điểm b, khoản 1, Điều 10) hay xử phạt 1 hành vi vi phạm theo từng thời điểm xảy ra hành vi vi phạm (điểm d, khoản 1, Điều 3). Luật quy định về tình tiết tăng nặng nhưng chưa có hướng dẫn thế nào là quy mô lớn (khoản 1, Điều

10); chưa có quy định, hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện việc bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới như thế nào (khoản 3, Điều 18).

Quy định tại Điều 122 Luật Xử lý VPHC: “*Việc tạm giữ người theo TTHC chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác*”. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều trường hợp đối tượng có hành vi vi phạm khác như: Trộm cắp tài sản, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, cơ quan Công an cần thời gian để xác minh về các yếu tố nhân thân của đối tượng vi phạm để xử lý theo đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm (đối với những tội có quy định đã bị xử phạt VPHC về các hành vi trên) nhưng đối tượng lại không có nơi cư trú ổn định, nếu không tạm giữ hành chính để xác minh đối tượng sẽ bỏ trốn gây khó khăn trong hoạt động điều tra, xử lý về sau,...

Phụ lục mẫu biên bản và mẫu quyết định để áp dụng xử phạt VPHC ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP còn nhiều bất cập, không phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ dẫn đến trên thực tế mỗi huyện, thành, thị áp dụng một cách khác nhau. Do đó, ngày 18/8/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP kèm theo Phụ lục về mẫu biên bản và mẫu quyết định trong xử phạt VPHC thay thế cho Phụ lục về mẫu biên bản và mẫu quyết định trong Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. Từ tháng 01/2018, Nghị định số 139/2017/NĐ-CP đã thay thế cho Nghị định số 180/2007/NĐ-CP và Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt VPHC trong hoạt động xây dựng.

#### 2.2.3.4. Về Phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở

##### a) Về hoạt động PBGDPL:

Để đảm bảo kinh phí cho hoạt động PBGDPL trên địa bàn tỉnh nói chung và tại các huyện, thành, thị nói riêng. UBND tỉnh Phú Thọ đã quy định mức chi cho hoạt động PBGDPL ban hành kèm theo Nghị quyết số

05/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động PBGDPL (PBGDPL) và chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL) của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện tốt hoạt động PBGDPL hàng năm.

- Về xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật

Thực hiện Đề án “*Sắp xếp, kiện toàn, chuẩn hóa đội ngũ công chức tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020*” của UBND tỉnh Phú Thọ. Các Phòng Tư pháp đã thống nhất với các ngành có liên quan để lựa chọn cán bộ làm hoạt động báo cáo viên trình UBND huyện, thành, thị xã quyết định phê duyệt tham gia. Nguồn nhân lực thực hiện hoạt động PBGDPL trên địa bàn các huyện, thành, thị của tỉnh tiếp tục được quan tâm, củng cố kiện toàn ngày càng tăng về số lượng, báo cáo viên có trình độ luật tương đối ổn định. Báo cáo viên pháp luật đã được Sở Tư pháp tỉnh bồi dưỡng nghiệp vụ đạt tỉ lệ cao như năm 2016 đạt 81%, năm 2017 đạt 86%.

Số lượng báo cáo viên cấp huyện từ năm 2013 - 2017 [38,39,40,41,42]  
(Bảng 2.5)

- Kết quả hoạt động PBGDPL:

Để việc tuyên truyền, PBGDPL trong cả nước nói chung và trên địa bàn cấp huyện nói riêng. Ở cấp huyện đã thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL thuộc UBND cấp huyện và cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL của cấp huyện là Phòng Tư pháp.

Hàng năm, Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp UBND cấp huyện, thành, thị xã xây dựng kế hoạch PBGDPL của năm và tham mưu giúp Hội đồng PBGDPL cấp huyện, thành, thị triển khai thực hiện hoạt động PBGDPL theo kế hoạch. Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến ngành và lĩnh vực thuộc quyền quản lý của cơ quan phối hợp với phương châm đối tượng

nào, hình thức ấy, nội dung tuyên truyền pháp luật gần gũi và dễ hiểu với nhân dân hơn.

Phòng Tư pháp các huyện, thành, thị xã đã phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện Kế hoạch số 4014/KH-UBND ngày 12/9/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về tiếp tục thực hiện Đề án “*Tăng cường hoạt động PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012 - 2016*” đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dân sự, hình sự, tệ nạn xã hội, đất đai,...; các địa phương có nhiều hoạt động PBGDPL là: Việt Trì, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Lâm Thao, Hạ Hòa...

Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp UBND cùng cấp triển khai tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia ý kiến đối với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, tham gia các Hội thi: “*Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” với số lượng 45.381 bài dự thi, một số đơn vị có số lượng bài thi nhiều là: Hạ Hòa, Việt Trì, Thanh Sơn, Cẩm Khê; cuộc thi “*Hòa giải viên giỏi*” với 85 thí sinh là các hòa giải viên giỏi đến từ 13 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tư pháp trang bị 3.167 cuốn sách tuyên truyền “*Hiến pháp mới và tìm hiểu Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ*” cho 277 tủ sách pháp luật cấp xã và khu dân cư, trao tặng 50 tủ sách pháp luật cho các doanh nghiệp; xuất bản 80.000 tờ gấp pháp luật tuyên truyền các quy định của Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc năm 1982 trên địa bàn tỉnh [38;39;40].

Tại các huyện, thành, thị xã, Phòng Tư pháp đã tham mưu giúp Hội đồng phối hợp PBGDPL thực hiện hoạt động PBGDPL với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như tổ chức các cuộc thi, tuyên truyền PBGDPL trực tiếp tại địa bàn, phát thanh tuyên truyền, in ấn tờ gấp pháp luật, tập trung vào những vấn đề nổi cộm, nhạy cảm được nhân dân quan tâm như các quy định của pháp luật về xử phạt VPHC, hộ tịch, cơ chế một cửa một cửa liên thông tại cơ quan UBND huyện, bồi thường giải phóng mặt bằng, giấy phép xây dựng... đã thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

Kết quả PBGDPL các năm từ 2013 - 2017 [38;39;40;41;42] Bảng 2.6.

*a) Về hoạt động hòa giải cơ sở:*

Thực hiện Luật Hòa giải cơ sở năm 2013, Phòng Tư pháp các huyện, thành, thị có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho UBND cấp huyện thực hiện QLNN về hòa giải cơ sở tại địa phương; trình dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở tại địa phương để HĐND có thẩm quyền xem xét quyết định, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Ngay sau khi Luật hòa giải ở cơ sở được thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014, các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đã kịp thời xây dựng kế hoạch và triển khai thi hành Luật đến các thành viên tổ hòa giải; trưởng ban hoạt động Mặt trận ở khu dân cư; cán bộ tư pháp, hộ tịch; chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn... Hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn, cơ sở triển khai lồng ghép hoạt động hòa giải với thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành tư pháp. Việc tuyên truyền các quy định của pháp luật về hoạt động hòa giải ở cơ sở được các địa phương triển khai dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có sự phối hợp tích cực của ngành tư pháp với các đoàn thể chính trị - xã hội và các ban, ngành liên quan, thông qua việc mở hội nghị tuyên truyền lồng ghép, phát tờ rơi, tờ gấp, đăng tải trên pano, áp phích, trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

Hiện nay, mỗi khu dân cư thành lập ít nhất 1 tổ hòa giải, một số địa phương thành lập 2 tổ hòa giải/khu dân cư như phường Nông Trang (thành phố Việt Trì), thị trấn Lâm Thao (huyện Lâm Thao), phường Trường Thịnh (thị xã Phú Thọ)... Căn cứ thực tế, số lượng hòa giải viên của mỗi tổ khác nhau, trung bình có từ 5-8 hòa giải viên/tổ; một số ít địa phương số lượng hòa giải viên lên tới 11-12 thành viên. Năm 2013, 2014, 2015 toàn tỉnh có 2.890 tổ hòa giải với 17.186 hòa giải viên; năm 2016 số hòa giải viên tăng lên



18.399 người; năm 2017 toàn tỉnh có 2.893 tổ hòa giải với 18.533 hòa giải viên (Bảng 2.7).

Phòng Tư pháp các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh đã phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho các hòa giải viên tại địa phương. Ví dụ: Năm 2016 bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải cho 15.236/18.399 hòa giải viên (đạt 82.8%), năm 2017 bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải cho 14587/18.533 hòa giải viên (đạt 78.7%) [41, tr.6].

Thực hiện chức năng quản lý hoạt động hòa giải cơ sở tại địa phương, Phòng Tư pháp huyện, thành, thị hằng năm thực hiện kiểm tra hoạt động tư pháp đã hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc cùng cấp hướng dẫn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tiến hành củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, đảm bảo 100% khu dân cư, tổ dân phố có ít nhất một tổ hòa giải. Với số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên được củng cố, kiện toàn đã tác động rất tích cực đến kết quả hòa giải đối với các vụ việc tranh chấp, giảm thiểu mâu thuẫn phát sinh. Số địa phương có kết quả hòa giải thành đạt tỉ lệ cao như: Tam Nông (98%); Cẩm Khê (97,6%); Việt Trì (95,5%); Thanh ba (94%); Yên Lập (93,5%)...[42,tr.5].

Số vụ việc phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân có chiều hướng giảm và tỉ lệ hòa giải thành chiếm tỉ lệ ngày càng cao. Ví dụ: năm 2013, phát sinh 4.182 vụ việc, đã hòa giải thành 3.439 vụ việc (đạt 82,2%); năm 2017, phát sinh 3.489 vụ việc, đã hòa giải thành 2.796 vụ việc (đạt 80,1%).

Số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên và kết quả hoạt động hòa giải của các tổ hòa giải năm 2013 - 2017 (Bảng 2.7).

Thông qua hoạt động hòa giải, nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật nhỏ trong cộng đồng dân cư đã được giải quyết kịp thời, giảm bớt khiếu nại, tố cáo của nhân dân lên cấp trên, góp phần giữ gìn đoàn kết nội bộ;

củng cố, phát huy những tình cảm, đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư. Chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở ngày càng được nâng cao, tỷ lệ hoà giải thành tiếp tục tăng so với những năm trước, góp phần tích cực vào việc xây dựng sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu khiếu nại, tố cáo, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

2.2.3.5. Về thực hiện các nhiệm vụ khác do Uỷ ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật

\* Hoạt động chứng thực: Phòng Tư pháp đã tham mưu UBND cùng cấp hướng dẫn thực hiện chứng thực theo quy định pháp luật đảm bảo phục vụ nhu cầu chứng thực của nhân dân tại địa phương. Hướng dẫn cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường, xã về hoạt động chứng thực theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Kết quả chứng thực: các Phòng Tư pháp đã thực hiện chứng thực 1.318 việc và 13.343 bản sao, thu lệ phí 48.435.000 đồng [42, tr.6].

\* Hoạt động bồi thường nhà nước: Tham mưu UBND cấp huyện tổ chức quán triệt Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước; Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước thông qua các hội nghị tuyên truyền, PBGDPL từ huyện, thành, thị xã đến các phường, xã. Đồng thời, phối hợp với Phòng Thanh tra huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động bồi thường; tổ chức triển khai thi hành các văn bản hướng dẫn thi hành, tham mưu giải quyết các vụ việc yêu cầu bồi thường của tổ chức, công dân.

\* Hoạt động Trợ giúp pháp lý: Phòng Tư pháp các huyện, thành, thị đã phối hợp chặt chẽ với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Thọ tổ chức trợ giúp pháp lý gắn với hoạt động PBGDPL cấp phát tài liệu tuyên truyền cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

Ngoài ra, Phòng Tư pháp đã tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, rà soát hồ sơ xử lý VPHC...

### **2.3. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp**

#### *2.3.1. Những kết quả đạt được*

##### 2.3.1.1. Những kết quả đạt được về tổ chức

- Các VBQPPL do Chính phủ ban hành quy định về tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện là cơ sở pháp lý để tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trong cả nước nói chung và tại tỉnh Phú Thọ nói riêng; là cơ sở hình thành các cơ quan tư pháp trong hệ thống ngành hành pháp được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

- Đội ngũ công chức tư pháp tuy còn thiếu nhưng cơ bản đã được UBND cùng cấp quan tâm, bố trí thực hiện các nhiệm vụ có tính ổn định tương đối trong giai đoạn từ 2013 - 2017.

- Đa số công chức Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh có phẩm chất chính trị vững vàng, tận tụy, ý thức trách nhiệm công vụ, trình độ chuyên môn đại học chuyên ngành Luật và đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ, tin học phù hợp với vị trí việc làm, hằng năm được tham gia tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ do Sở Tư pháp tổ chức.

- Đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh có hộ khẩu thường trú tại Phú Thọ, đa số thường trú trên địa bàn huyện nơi hoạt động, có sự hiểu biết nhất định về tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh trật tự, đặc điểm dân cư, phong tục tập quán, là điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc hoạt động QLNN về lĩnh vực tư pháp trên địa bàn. Đây cũng là điều kiện thuận lợi trong hoạt động PBGDPL, hòa giải cơ sở nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số bởi cán bộ gần dân, hiểu dân, có các biện pháp hiệu quả giúp nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành

pháp luật, thay đổi nhận thức, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc tiếp cận pháp luật ngày càng sâu rộng.

### 2.3.1.2. Những kết quả đạt được về hoạt động

#### *a) Về xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật*

Với trách nhiệm là cơ quan chuyên môn thẩm định, Phòng Tư pháp đã kịp thời thực hiện thẩm định VBQPPL của HĐND và UBND cùng cấp theo quy định của pháp luật; quá trình thẩm định văn bản đã yêu cầu các cơ quan chuyên môn dự thảo văn bản cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan hoặc xin ý kiến các sở, ngành của tỉnh trong quá trình thẩm định, đặc biệt là các dự thảo VBQPPL có tính chất phức tạp, từ đó hạn chế được những sai sót sau khi ban hành văn bản.

Hoạt động xây dựng, ban hành và kiểm soát VBQPPL đã được CQĐP quan tâm, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các VBQPPL do UBND các huyện, thành, thị ban hành ngày càng được nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu về nội dung và thể thức, khắc phục được tình trạng ban hành trái thẩm quyền, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống VBQPPL giữa cấp huyện, tỉnh và trung ương; nội dung đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật đã tác động tích cực đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng tại địa phương.

Hoạt động kiểm tra, rà soát VBQPPL được thực hiện thường xuyên hơn gắn với hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và hình thành cơ chế đồng bộ trong việc theo dõi, phát hiện, xử lý và kiến nghị hoàn thiện các VBQPPL.

#### *b) Về quản lý và đăng ký hộ tịch*

Phòng Tư pháp đã phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh, tham mưu UBND cùng cấp triển khai ứng dụng CNTT, phần mềm chuyên ngành vào hỗ trợ vào đăng ký và quản lý hộ tịch tại địa phương, góp phần giảm đáng kể áp lực công

việc cho cán bộ tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn, giải quyết nhanh, đúng, kịp thời các TTHC của tổ chức, cá nhân.

Đội ngũ cán bộ làm hoạt động hộ tịch từ cấp huyện, thành, thị đến xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm để nắm bắt những quy định mới của luật. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đã được Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp hướng dẫn, giải đáp đảm bảo giải quyết hiệu quả các TTHC cho công dân theo quy định của pháp luật.

*c) Về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*

Xử lý VPHC là một lĩnh vực rộng, liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương; tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống xã hội và liên quan đến các ngành luật. Trong khi đó, tình hình VPHC lại diễn ra ngày càng phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi hơn trên các lĩnh vực đời sống xã hội như: Giao thông, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, kinh doanh, đất đai, xây dựng... Kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2013 - 2017 cho thấy, hoạt động này cơ bản đã được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kịp thời các nội dung công việc gắn với tuyên truyền, PBGDPL, tập huấn bồi dưỡng các văn bản pháp luật về xử lý VPHC và thực hiện nghiên cứu các quy định mới của Luật về xử lý VPHC như Nghị định 139/2017/NĐ-CP, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP...

Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý VPHC trên địa bàn các huyện, thành, thị đã từng bước đi vào nề nếp, hoạt động quản lý nhà nước về thi hành pháp luật và xử phạt VPHC ngày càng được phát huy, coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong việc đảm bảo chính sách, pháp luật được thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng thẩm quyền, đúng quy định từ huyện, thành, thị đến cơ sở.

*d) Về Phổ biến giáo dục pháp luật và Hòa giải cơ sở*

*Về Hoạt động Phổ biến, giáo dục pháp luật:* Chất lượng hoạt động PBGDPL ngày càng được nâng lên mang lại những tác động tích cực trong đời sống kinh tế - xã hội tại địa phương. Cách thức triển khai đã chú trọng đổi mới, đa dạng hóa các hình thức như tổ chức hội nghị tuyên truyền, cuộc thi, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến... phù hợp với từng đối tượng, địa bàn nên đã tạo được những chuyển biến rõ rệt về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của mọi tầng lớp nhân dân. Hoạt động tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng triển khai thực hiện hiệu quả tại các huyện Tân Sơn, Yên Lập...

Đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện trên địa bàn tỉnh ngày càng được củng cố, kiện toàn về số lượng và chất lượng, số báo cáo viên chuyên ngành luật chiếm đa số là điều kiện thuận lợi giúp địa phương tận dụng được ưu thế nguồn nhân lực tại chỗ, am hiểu về phong tục tập quán, ngôn ngữ, văn hóa, đời sống nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả PBGDPL.

*Về Hoạt động hòa giải cơ sở:* Tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên ngày càng được củng cố về số lượng, từng bước nâng lên về chất lượng. Đối tượng tham gia hòa giải viên có trình độ luật, hành chính và trình độ khác, có cả trường hợp không có chuyên môn nhưng qua tham gia các hội nghị tập huấn bồi dưỡng, tự trau dồi kiến thức về pháp luật, kỹ năng hòa giải, đúc kết kinh nghiệm qua quá trình thực tiễn đã ngày càng nâng lên về chất lượng, giải quyết thành công các tranh chấp phát sinh trong đời sống hàng ngày tại địa phương.

Kết quả của hoạt động hòa giải cơ sở đã đảm bảo an ninh trật tự, giảm gánh nặng về giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân của chính quyền các cấp và của cơ quan Tòa án nhân dân cấp huyện, tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh Phú Thọ nói chung.

*e) Về thực hiện những nhiệm vụ khác được giao*

Những việc theo quy định của pháp luật hoặc những việc do UBND cùng cấp giao, Phòng Tư pháp đã tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực

hiện đúng theo quy định, đảm bảo tiến độ công việc như: Tham mưu UBND huyện trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, hỗ trợ tư pháp, chứng thực, rà soát hồ sơ xử lý vi phạm hành chính...

Trong những năm qua, các Phòng Tư pháp luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tư pháp, HĐND và UBND các huyện, thành, thị trong hoạt động bố trí đội ngũ CBCC; kinh phí cho hoạt động tư pháp; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đã đảm bảo tính kịp thời; sự phối kết hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; sự quan tâm của 277 xã, phường, thị trấn đối với hoạt động tư pháp của địa phương.

Những kết quả đạt được như trên phải kể đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các Phòng Tư pháp huyện, thành, thị, quá trình phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của từng CBCC và sự thống nhất, đoàn kết nội bộ của các Phòng Tư pháp, đặc biệt đối với các Phòng Tư pháp có số lượng công chức biên chế ít đã thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ tư pháp trên địa bàn như các huyện Đoan Hùng, Yên Lập, Thanh Ba, Lâm Thao...

### *2.3.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân*

#### *2.3.2.1. Hạn chế, bất cập*

##### *a) Những hạn chế bất cập về tổ chức*

Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện gồm 26 nhiệm vụ [1, tr.13], tăng thêm 6 nhiệm vụ, quyền hạn so với trước năm 2014 như: Về theo dõi thi hành pháp luật (Khoản 6 Điều 5) bổ sung nhiệm vụ xây dựng và trình UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn, kiểm tra việc thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; Về PBGDPL (Khoản 9 Điều 5) sửa đổi quy định về trách nhiệm của Phòng Tư pháp trong hoạt động PBGDPL và hòa giải ở cơ sở, theo đó Phòng Tư pháp được tăng cường

nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn hoạt động PBGDPL tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc; bổ sung các nhiệm vụ như kiểm soát TTHC (Khoản 9 Điều 5), xây dựng xã phường tiếp cận pháp luật (Khoản 12 Điều 5), quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử phạt VPHC (Khoản 18 Điều 5); cụ thể hóa nhiệm vụ QLNN về hoạt động bồi thường nhà nước (Khoản 16 Điều 5). Tuy nhiên, số lượng công chức tư pháp tại các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh trong những năm qua không tăng mà còn giảm về số lượng.

Năm 2017, tổng số công chức các Phòng Tư pháp trên địa bàn là 36 công chức (giảm 10 công chức so với năm 2013). Theo quy định của pháp luật biên chế các Phòng Tư pháp được đảm bảo tối thiểu 04 công chức. Tuy nhiên, hiện nay toàn tỉnh chỉ có Phòng Tư pháp Việt Trì đảm bảo về số lượng là 06 công chức, 07 Phòng Tư pháp có 03 biên chế, 04 Phòng Tư pháp có 02 biên chế và 01 Phòng Tư pháp chỉ có 01 biên chế công chức trong khi đảm nhiệm 26 đầu việc và các nhiệm vụ khác do UBND cấp huyện giao như tham mưu giúp UBND huyện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, rà soát hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất giải phóng mặt bằng... nhiệm vụ chuyên ngành nhiều, số lượng cán bộ hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của các Phòng Tư pháp.

Hoạt động bố trí công chức Phòng Tư pháp tại các địa phương chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Một số đơn vị hành chính lớn nhưng số biên chế tư pháp còn ít hơn so với đơn vị hành chính nhỏ hơn. Ví dụ: Một số Phòng Tư pháp thuộc huyện loại III (Tam Nông 03 biên chế, Thanh Thủy 3 biên chế) được bố trí biên chế nhiều hơn Phòng Tư pháp huyện loại II (Đoan Hùng 01 biên chế, Thanh Ba 02 biên chế, Thanh Sơn 02 biên chế, Yên Lập 02 biên chế).

Do đó, đội ngũ công chức Tư pháp còn thiếu so với yêu cầu của vị trí việc làm tại các Phòng Tư pháp, chưa thể đảm bảo thực hiện đầy đủ và hiệu quả tất cả chức năng, nhiệm vụ, trình độ tin học còn hạn chế.



Vai trò, vị trí của Phòng Tư pháp trong bộ máy hành chính các cấp chưa được nhận thức, đánh giá đúng tầm vóc so với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, tính chất công việc. Một số nơi, cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của ngành Tư pháp, đặc biệt là các huyện miền núi khó khăn như Yên Lập, Đoan Hùng...

*b) Những hạn chế, bất cập về hoạt động*

*\* Về xây dựng, kiểm tra, kiểm soát văn bản quy phạm pháp luật*

Hoạt động xây dựng, kiểm tra, kiểm soát VBQPPL đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2013 - 2017, vẫn còn VBQPPL đã được HĐND và UBND huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành không đúng thẩm quyền, căn cứ pháp lý, thể thức.

*\* Về quản lý và đăng ký hộ tịch*

Việc tham mưu giúp UBND huyện, thành thị khai thác, sử dụng “Phần mềm Hộ tịch” tại các huyện, thành, thị còn một số hạn chế, đặc biệt là các huyện, các xã vùng khó khăn, đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động quản lý hộ tịch và thống kê số liệu dân cư trên địa bàn, như: Hiện còn 53 xã, thị trấn chưa khai thác, sử dụng phần mềm do chưa được đầu tư máy tính, mạng Internet hoặc cán bộ Tư pháp-Hộ tịch xã do tuổi cao không sử dụng được máy tính; 98 xã, phường, thị trấn dùng chung máy của Văn phòng hoặc máy cá nhân; cán bộ Tư pháp-Hộ tịch của một số xã, phường, thị trấn thiếu sự ổn định do thay đổi vị trí hoạt động, nghỉ hưu hoặc qua đời nên việc khai thác phần mềm bị gián đoạn.

*\* Về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*

Theo dõi thi hành pháp luật và quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là lĩnh vực phức tạp, phạm vi rộng trong khi nguồn lực và điều kiện đảm bảo cho việc triển khai hoạt động này còn gặp nhiều khó khăn, nhất là về sắp xếp cán bộ theo dõi, thực hiện. Mặc dù UBND tỉnh Phú

Thọ đã ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý VPHC trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, tuy nhiên hoạt động phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai hoạt động thi hành pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính nhiều lúc chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả chưa cao, đặc biệt trong việc phối hợp kiểm tra, xử lý các vụ, việc vi phạm hành chính kéo dài về thời gian.

Một bộ phận đối tượng vi phạm ít hiểu biết các quy định của pháp luật; kinh tế khó khăn dẫn đến chậm thực hiện quyết định xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là đối tượng đồng bào dân tộc.

*\* Phổ biến giáo dục pháp luật và Hòa giải cơ sở*

*Về Phổ biến giáo dục pháp luật* : Hình thức PBGDPL mặc dù đã được áp dụng khá đa dạng, phong phú, song nhiều hình thức hiệu quả chưa cao. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện PBGDPL của nhiều cơ quan, đơn vị chưa cao, trong khi giai đoạn vừa qua pháp luật được ban hành nhiều, nội dung đa dạng, phức tạp, điều chỉnh nhiều loại quan hệ xã hội phục vụ tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

*Về hoạt động hòa giải*: Do trình độ, năng lực của đội ngũ hòa giải viên chưa đồng đều; phần lớn các hòa giải viên do kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau nên chưa đầu tư nghiên cứu chuyên sâu để xác minh, tìm hiểu vụ việc cần hòa giải. Các hòa giải viên chủ yếu làm việc bằng kinh nghiệm sống và uy tín của bản thân; thành viên Tổ hòa giải ở cơ sở tham gia với tư cách tự nguyện nên một số còn tâm lý ngại va chạm.

#### 2.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

##### a) Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống pháp luật về tư pháp chưa đồng bộ, thống nhất, còn thiếu văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các Phòng Tư pháp ở nhiều nơi còn chậm, việc quyết định ban hành các văn bản đôi lúc chưa bám sát thực tiễn, mang tính chủ quan.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc còn thiếu, chưa đồng bộ, đa phần các thiết bị đã cũ, thường bị hỏng ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, hiệu quả trong quá trình làm việc của công chức tư pháp huyện.

b) *Nguyên nhân chủ quan*

- Đội ngũ cán bộ làm hoạt động tư pháp còn thiếu, một bộ phận cán bộ trẻ đáp ứng đủ điều kiện yêu cầu về bằng cấp nhưng năng lực còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm hoạt động, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, khả năng sử dụng và ứng dụng CNTT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế. Do đó, quá trình thực hiện nhiệm vụ chậm hoặc đúng tiến độ nhưng chất lượng không cao.

- Chưa có chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về hoạt động tư pháp. Thực tế cho thấy, cán bộ tư pháp làm việc tại các Phòng Tư pháp có khối lượng công việc nhiều nhưng chế độ, điều kiện làm việc vẫn giống như các phòng chuyên môn khác, do đó chưa khuyến khích, thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng.

### **Tiểu kết chương**

Trong những năm qua, Phòng Tư pháp thuộc UBND các huyện, thành, thị xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã khắc phục những khó khăn, hạn chế, duy trì thực hiện tốt hoạt động tư pháp và có những đóng góp đáng kể được ghi nhận, phục vụ sự nghiệp phát triển chung của tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, trong tổ chức và hoạt động vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập xuất phát từ những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan. Để giải quyết những hạn chế, bất cập đó thì việc tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp cần phải được đổi mới hơn nữa để tương xứng với vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng QLNN trong lĩnh vực tư pháp, thi hành pháp luật, PBGDPL tại địa phương đạt hiệu quả đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

### Chương 3

## QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TẠI TỈNH PHÚ THỌ

### 3.1. Nhu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

#### 3.1.1. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã nêu quan điểm “*công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, coi đây là một trong những phương pháp cơ bản của quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc. Đến Đại hội Đảng lần thứ X, quan điểm này được xác định rõ thành mục tiêu: “*Đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương và nhân dân cả nước cùng chung tay góp sức xây dựng. Trong phạm vi quốc gia, để phát triển bền vững, bên cạnh nguyên tắc gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng về kinh tế với bảo vệ môi trường và giải quyết các vấn đề xã hội, Chính phủ các nước đều rất quan tâm đến những chính sách phát triển vùng, trước hết là các vùng kém phát triển, vùng nông thôn, vùng miền núi và dân tộc thiểu số nhằm tận dụng tiềm năng của mỗi vùng nhanh chóng phát triển, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực có trình độ phát triển cao thấp khác nhau.

Tỉnh Phú Thọ là một trong 12 tỉnh thuộc vùng Tây Bắc (Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Phú Thọ, Tuyên Quang) luôn phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện và bền vững, theo hướng trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc, làm tốt vai trò kết nối với các tỉnh miền núi phía Bắc và

trung tâm Hà Nội. Tỉnh Phú Thọ đang từng bước thực hiện thành công các chủ trương, đường lối, chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đề xướng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thực hiện phát triển đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, tiên tiến tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội đưa nền kinh tế đất nước đi lên, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Phú Thọ nói riêng, nhu cầu của xã hội đối với những công việc như chứng nhận, xác nhận của các cơ quan nhà nước đối với hồ sơ, đơn từ của tổ chức, giấy tờ của các cá nhân hoặc xác nhận khai sinh, khai tử, kết hôn, ly hôn, chứng nhận quyền sử dụng đất... diễn ra thường xuyên, liên tục với khối lượng công việc ngày càng nhiều. Để đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, góp phần ngăn chặn những vụ việc phát sinh trong các lĩnh vực nêu trên, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật nhằm quy định những việc nêu trên thuộc phạm vi công chứng, chứng thực, hộ tịch, gia đình..., thống nhất các trình tự, thủ tục để tổ chức, cá nhân nắm rõ và thực hiện theo luật định đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, các cơ quan QLNN nghiên cứu áp dụng các quy định pháp luật trong quản lý, phục vụ các tổ chức, cá nhân để các văn bản pháp luật đi vào thực tiễn đời sống xã hội được các tổ chức, cá nhân chấp hành, thực hiện theo đúng quy định. Điều này, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải tăng cường, thực hiện tốt hoạt động tuyên truyền, PBGDPL đối với nhân dân, thông qua hoạt động hòa giải cơ sở thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân trong việc giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, địa phương, đảm bảo an ninh trật tự tại thôn, xóm, khu dân cư, tổ dân phố tại các địa phương.

Do đó, các cơ quan chuyên môn trong đó có Phòng Tư pháp được tổ chức đảm bảo tham mưu, giúp việc UBND cùng cấp QLNN về hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, tuyên truyền PBGDPL, hòa giải cơ sở nhằm đưa pháp luật vào trong cuộc sống, trong các hoạt động chính trị, xã hội tại địa phương.

Xã hội ngày càng phát triển đã đặt ra yêu cầu đối với các Phòng Tư pháp huyện, thành, thị phải đổi mới về tổ chức và hoạt động nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả những hoạt động thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp do cơ quan trong bộ máy hành pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện giúp UBND cùng cấp triển khai tốt các nhiệm vụ tư pháp, góp phần ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

### *3.1.2. Tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật trong Nhà nước pháp quyền*

Ở nước ta, khái niệm Nhà nước pháp quyền được sử dụng lần đầu tiên tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ngày 25/11/1991 khi thảo luận về dự thảo Hiến pháp năm 1992. Nghị quyết Hội nghị Đại biểu toàn quốc khóa VII của Đảng đã khẳng định “*Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam*”. Đó là xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân và thực hiện quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa [13]. Điều 12 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*”. Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ*” (Khoản 1, Điều 8) [22].

Nguyên tắc QLNN, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa luôn được Đảng và Nhà nước ta chú trọng xây dựng, phát

huy trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành, các Phòng Tư pháp tại tỉnh Phú Thọ đã làm tốt vai trò là cơ quan chuyên môn giúp cơ quan QLNN ở địa phương làm tốt hoạt động “*trông coi về pháp luật*”, phối hợp chặt chẽ xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Các Phòng Tư pháp là công cụ quan trọng của Đảng và Nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ nhân dân, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân; bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa; bảo đảm kỷ cương xã hội; từng bước nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân thông qua tuyên truyền PBGDL, trợ giúp pháp lý; đấu tranh có hiệu quả với các vi phạm pháp luật; giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật các tranh chấp nảy sinh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế.

Các Phòng Tư pháp huyện, thành, thị với nhiệm vụ và quyền hạn là cơ quan tham mưu giúp việc cho UBND các huyện, thành, thị trong hoạt động tư pháp, theo dõi thi hành pháp luật, hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn trong triển khai hoạt động tư pháp tại cơ sở, là đơn vị trung gian không thể thiếu đóng vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa, thống nhất các quy định của pháp luật triển khai đến UBND xã, phường, thị trấn và nhân dân trên địa bàn, duy trì tính thượng tôn pháp luật trong đời sống xã hội. Đồng thời ghi nhận những ý kiến, phản ánh của công chức cơ sở và nhân dân qua quá trình thực thi trong thực tiễn để báo cáo Sở Tư pháp và UBND cùng cấp xem xét, điều chỉnh phù hợp.

### *3.1.3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân*

Con người là trung tâm của mọi sự phát triển. Hiện nay, các nước trên thế giới đang gắn QCN, quyền công dân với phát triển bền vững mọi mặt của đời sống xã hội (*QCN và phát triển bền vững về môi trường, văn hóa, kinh*

tế...) Việc gắn QCN với phát triển bền vững mọi mặt của đời sống xã hội đã trở thành một xu thế tất yếu hiện nay. Chính vì thế, tại nhiều nước trên thế giới các chiến lược phát triển con người, QCN luôn được gắn với các chiến lược phát triển bền vững kinh tế, xã hội.

Do đó, con người với các quyền về chính trị, dân sự và xã hội đã trở thành trung tâm, là động lực và mục tiêu của sự phát triển xã hội, quốc gia, dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (được bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “*Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người*”. Trong Hiến pháp 2013, QCN được hưởng một cách mặc nhiên và Nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo cũng như phải bảo vệ cho những quyền đó được thực hiện trên thực tế. Điều 3 Chương I quy định về Chế độ Chính trị đã ghi nhận quan điểm, chính sách của Nhà nước Việt Nam là “*công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân*”. Chế định về QCN, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013 được quy định tại Chương II từ điều 14 đến điều 49 gồm 36/120 điều của Hiến pháp, chứa đựng nhiều điều nhất và nhiều điểm mới về bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Từ đây, đặt ra nghĩa vụ của tất cả mọi chủ thể ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặc biệt là các cơ quan Nhà nước, công chức, viên chức Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội phải công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân [24].

Bảo đảm các QCN, quyền công dân là việc tạo ra các điều kiện về chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội và tổ chức để cá nhân, công dân, các tổ chức của công dân thực hiện được thực hiện các quyền, lợi ích chính đáng đã được pháp luật ghi nhận. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, việc bảo đảm pháp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và mang tính quyết định, là sự thể chế hóa các bảo đảm chính trị, kinh tế, xã hội, tổ chức thành các



chuẩn mực có tính bắt buộc mà nhà nước, các cơ quan nhà nước và xã hội phải thực hiện để bảo đảm các QCN, quyền công dân.

Hoạt động tư pháp có khối lượng lớn các công việc mang tính chất quan trọng, các vấn đề liên quan đến hộ tịch như ly hôn, kết hôn, khai sinh, khai tử, thay đổi tên họ... liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích của công dân. Hoạt động hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý,... luôn gắn với mỗi công dân, thúc đẩy các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại hướng tới quyền tự do thỏa thuận, tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Công việc thực hiện quyền tư pháp như thi hành án, công chứng, chứng thực... thì đảm bảo quyền về khởi kiện, quyền về tài sản của cá nhân, tổ chức.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bên cạnh những tác động tích cực còn những bất cập trong thực hiện quyền con người, như: gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, tiềm ẩn những bất bình đẳng trong quá trình bảo đảm quyền con người; sự bộc lộ nhiều vấn đề cũ đồng thời xuất hiện những vấn đề mới liên quan đến hoạt động bảo đảm quyền con người như: bảo vệ quyền có việc làm và nghề nghiệp; bảo vệ quyền của người tiêu dùng; quyền sở hữu trí tuệ; quyền của kiều dân nước ngoài định cư tại Việt Nam và Việt kiều; quyền của người đồng tính,...; sự tác động đa chiều của truyền thông và dư luận xã hội trong điều kiện tồn tại, phát triển các mạng xã hội; sự tác động của pháp luật và cơ chế nhân quyền quốc tế, khu vực đến hoạt động bảo đảm quyền con người,... cũng tác động đến đảm bảo QCN.

Trên cơ sở đó, các cơ quan Tư pháp, trong đó có các Phòng Tư pháp đảm nhận nhiệm vụ giúp chính quyền địa phương bảo đảm và bảo vệ QCN, quyền công dân thông qua việc bảo vệ nhu cầu pháp lý của con người gắn với các hoạt động: Quốc tịch, khai sinh, kết hôn; nuôi con nuôi, trợ giúp pháp lý, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở...; bảo đảm sự an toàn pháp lý cho người dân, doanh nghiệp thông qua các hoạt động: công chứng, chứng thực, hỗ trợ tư

pháp, hướng tới làm thay đổi tư duy pháp lý về QCN; thúc đẩy hoạt động bảo đảm QCN ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn và hiệu quả hơn.

#### *3.1.4. Nhu cầu khắc phục các hạn chế trong tổ chức và hoạt động hiện nay của Phòng Tư pháp*

Thực tế từ các Phòng Tư pháp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cho thấy, số lượng CBCC tư pháp còn thiếu, đội ngũ CBCC về cơ bản đáp ứng trình độ chuyên môn nhưng một bộ phận còn yếu về kinh nghiệm thực tế, kiến thức xã hội, các kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm, tính sáng tạo chưa cao, trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế, hoạt động tham mưu cho UBND cùng cấp về các lĩnh vực chuyên môn của phòng còn chưa thực sự hiệu quả, cơ sở vật chất chưa đồng bộ đã phần nào hạn chế khả năng của CBCC và hiệu quả các mặt hoạt động của Phòng Tư pháp. Do đó, đổi mới tổ chức và hoạt động của các Phòng Tư pháp cấp huyện góp phần khắc phục những hạn chế nêu trên, nâng cao chất lượng hoạt động hoạt động tư pháp tại địa phương.

### **3.2. Các quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp**

#### *3.2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng*

Một là, đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp phải phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chủ trương nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền cấp huyện.

Hai là, Đảng đề ra các chủ trương, định hướng trong phát triển kinh tế, xã hội làm cơ sở Nhà nước xây dựng và ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, tăng cường pháp chế.

Ba là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị và với toàn xã hội trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tăng cường kiến thức, ý thức pháp luật cho nhân dân.

#### *3.2.2. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp đáp ứng nhu cầu mở cửa và hội nhập của đất nước*

Cùng với quá trình toàn cầu hóa, quốc tế hóa diễn ra trong khu vực và trên phạm vi toàn thế giới thì quá trình hội nhập cũng ngày càng sâu sắc, toàn diện, đa dạng đối với mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của đất nước (chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng, giáo dục...). Hội nhập đã trở thành một xu thế lớn của thế giới hiện đại, tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế và đời sống của từng quốc gia. Ngày nay, hội nhập quốc tế là lựa chọn chính sách của hầu hết các quốc gia để phát triển. Trước những yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư, mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Quan điểm về đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp đáp ứng nhu cầu mở cửa và hội nhập của đất nước gồm các vấn đề trọng tâm sau:

Một là, thực hiện đổi mới theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã đề ra để thực sự trở thành một bộ phận không thể thiếu của bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập của đất nước hiện nay.

Hai là, tinh gọn về tổ chức, nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động. Tinh giản biên chế đối với bộ phận CBCC thuộc diện tinh giản biên chế hoặc không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ nhằm tinh gọn về tổ chức, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ tư pháp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện.

Ba là, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất hỗ trợ làm việc, bố trí kinh phí hoạt động, vận dụng khai thác có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động là những điều kiện thuận lợi để các Phòng Tư pháp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### *3.2.3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp phải đặt trong Chương trình tổng thể về cải cách hành chính nhà nước*

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã nhận định CCHC Nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ... CCHC phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt gồm: Cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ CBCC” [15, tr.31].

Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, do đó việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp phải xuất phát từ thực tiễn tổ chức và hoạt động của cả bộ máy nhà nước và Chương trình tổng thể về cải cách HCNN, tập trung vào các vấn đề sau:

*Một là*, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân.

*Hai là*, thực hiện đổi mới phương pháp, quy trình làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu CCHC hiện nay

*Ba là*, đẩy mạnh CCHC và sửa đổi, bổ sung kịp thời các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh theo các văn bản quy phạm mới ban hành trong lĩnh vực tư pháp; nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan; rà soát, đơn giản hóa TTHC trên tất cả các lĩnh vực QLNN, nhất là TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp... làm cho hoạt động tư pháp được thực hiện nhanh chóng, đúng thủ tục, quy trình, tiết kiệm thời gian cho các tổ chức, cá nhân.

*Bốn là*, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc, từng bước hiện đại hoá nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

#### *3.2.4. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện có tính đồng bộ*

Từ những quy định của Hiến pháp và pháp luật, có thể xác định: UBND cấp huyện là cơ quan do HĐND cấp huyện bầu ra, cơ quan chấp hành của HĐND cấp huyện, cơ quan HCNN ở cấp huyện, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cấp huyện. UBND cấp huyện vừa là cơ quan chấp hành và hành chính, vừa là cơ quan nhà nước cấp huyện. Điều đó phản ánh mối quan hệ giữa tính đại diện và thực thi quyền lực nhà nước; giữa quyền uy và phục tùng trong quản lý HCNN. Đồng thời, cũng chỉ ra mối quan hệ giữa UBND cấp huyện với UBND cấp tỉnh, HĐND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh, HĐND và UBND cấp xã và những mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị trên địa bàn huyện.

UBND cấp huyện là cơ quan quản lý thẩm quyền chung ở địa phương, thực hiện QLNN trên các mặt cơ bản của đời sống xã hội. Trong thực tế, ở phạm vi cấp huyện, có thể thấy những việc của người dân hầu như phần nhiều được giải quyết tại UBND cấp huyện với các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện. Do đó, việc luôn đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của UBND cấp huyện là yếu tố cơ bản nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính của UBND cấp huyện. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của UBND cấp huyện phải được thực hiện đồng bộ trên các phương diện đổi mới về cơ cấu tổ chức; vấn đề CBCC; phương thức hoạt động và mối quan hệ giữa UBND cấp huyện với các cơ quan, tổ chức hữu quan,...

### **3.3. Các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp**

#### *3.3.1. Nhận thức sâu sắc vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp*

Một là: Đổi mới tổ chức và hoạt động của phòng Tư pháp góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân vững mạnh.

Hai là: Nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp về vị trí, vai trò của hoạt động tư pháp, đảm bảo sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị đối với hoạt động tư pháp.

Ba là: Đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động tư pháp hành chính trong bộ máy hành pháp, đảm bảo QLNN bằng pháp luật.

### *3.3.2. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*

*Một là*, yêu cầu đổi mới và nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi và minh bạch đòi hỏi các cấp, các ngành liên quan phải thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện hoạt động tư pháp một cách toàn diện từ tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động đến đội ngũ cán bộ và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí đảm bảo cho hoạt động...

*Hai là*, từ thực tiễn theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ còn nhiều hạn chế, liên quan đến quy định của pháp luật để có căn cứ áp dụng chính xác, đảm bảo đúng quy định của Nghị định xử phạt chuyên ngành đề nghị Chính Phủ:

Sửa đổi bổ sung Nghị định 102/2014/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nghị định số 102/2014/NĐ-CP chưa quy định đầy đủ về các trường hợp lấn, chiếm đất theo mục đích sử dụng đã được quy định tại Điều 10, Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể: Quy định về hành vi lấn, chiếm đất chưa sử dụng để xây dựng nhà ở, quán và các công trình khác (trong đó có công trình tôn giáo), do đó, khi người dân vi phạm và quy định này thì không có căn cứ để xử lý.

Sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL. Trong nội dung xác định căn cứ để đề xuất xây dựng, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung VBQPPL: *“Sửa đổi, bổ sung văn bản được áp dụng trong trường hợp một phần nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội”* (theo quy định tại khoản 3 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL) [8]. Như vậy, vấn đề sửa đổi, bổ sung văn bản được đặt ra trong hai trường hợp: (1) một phần nội dung của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát. Đối với trường hợp này, căn cứ đề nghị sửa đổi, bổ sung văn bản khá rõ ràng vì khi đặt văn bản là căn cứ rà soát và văn bản cần sửa đổi, bổ sung ra để so sánh, đối chiếu, đánh giá các nội dung mang tính chất chồng chéo, mâu thuẫn thì người làm hoạt động xây dựng văn bản có thể nhận diện được những nội dung nào của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát. Từ đó, có kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung văn bản; (2) vấn đề sửa đổi, bổ sung văn bản được đặt ra khi rà soát nội dung văn bản nhận thấy không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay chưa có một “bộ công cụ” nào hoặc một chuẩn nào để đánh giá tính không phù hợp của văn bản đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, trên thực tế việc xác định, đánh giá nội dung văn bản không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội rất chung chung, đôi khi còn có sự nhầm lẫn.

### *3.3.3. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự của các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện*

*Một là*, căn cứ vào quy mô và phạm vi quản lý, khối lượng công việc của địa phương, Phòng Tư pháp cần chủ động đề xuất với UBND cùng cấp bổ sung CBCC thực hiện các nhiệm vụ tư pháp.

*Hai là*, thực hiện đúng quy trình tinh giản biên chế đối với những cán bộ cao tuổi có trình độ, năng lực hạn chế không đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

*Ba là*, tổng kết quá trình thực hiện nhiệm vụ của Phòng Tư pháp hằng năm, chú trọng hoạt động đánh giá, xếp loại CBCC đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng dựa trên các tiêu chí vị trí việc làm và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ, đạo đức công vụ, sự hài lòng của tổ chức cá nhân đối với công chức. Thông qua hoạt động đánh giá, xếp loại là cơ sở để cấp có thẩm quyền lựa chọn bố trí CBCC phù hợp với nhiệm vụ đảm nhận, đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những CBCC không có khả năng làm việc trước áp lực tinh giản biên chế, kiện toàn tổ chức, đổi mới phương pháp, lề lối làm việc theo yêu cầu CCHC hiện nay.

*3.3.4. Xây dựng đội ngũ công chức chuyên môn có trình độ, phẩm chất gắn với vị trí việc làm để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao*

Đội ngũ CBCC là nhân tố quyết định trong việc thực hiện một nền hành chính hiệu lực, hiệu quả. Để xây dựng đội ngũ CBCC hành chính tư pháp vững mạnh về chất và lượng cần thực hiện các giải pháp sau:

*Một là*, Phòng Tư pháp cần tham mưu UBND huyện trong hoạt động bố trí cán bộ tư pháp tại các vị trí đảm nhận nhiệm vụ phù hợp về năng lực, trình độ chuyên môn, sở trường. Việc bố trí phù hợp sẽ giúp các cá nhân phát huy hết khả năng, năng lực của bản thân đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ, là cơ sở đề bạt các cán bộ có năng lực vào các vị trí lãnh đạo quản lý.

*Hai là*, khuyến khích CBCC tự học, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, các kỹ năng giao tiếp, ứng xử đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn thực hiện cải cách HCNN, thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế.



*Ba là, hằng năm cử cán bộ tư pháp tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội... do UBND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh tổ chức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà còn có tư tưởng chính trị vững vàng, hết lòng phục vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân.*

### *3.3.5. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của người đứng đầu*

Hoạt động của Phòng Tư pháp huyện được thực hiện thông qua hoạt động của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và đội ngũ CBCC. Trong đó, người đứng đầu Phòng Tư pháp huyện chịu trách nhiệm chính về toàn bộ các hoạt động của đơn vị mình trước UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp và trước pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng, phó phòng được quy định tại Điều 6, Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV [1, tr.18].

Theo đó, người đứng đầu Phòng Tư pháp lãnh đạo, quản lý chung các hoạt động của đơn vị, được chủ động quyết định các biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc như: Tổ chức chuỗi các hoạt động thực hiện những nhiệm vụ cấp trên giao phù hợp với chuyên môn, khả năng của đơn vị và đúng quy định của pháp luật; phối hợp với các phòng chuyên môn cùng cấp, chính quyền xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị tại địa phương trong thực hiện các hoạt động đáp ứng yêu cầu trong quản lý HCNN về hoạt động hành chính tư pháp theo đúng quy định pháp luật.

Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của người đứng đầu Phòng Tư pháp. Do đó, cần phải có quy định rõ giữa trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của tập thể, trách nhiệm của từng cán bộ với chức năng, nhiệm vụ được đảm nhận. Điều này giúp tăng cường thực quyền cho của người đứng đầu đơn vị trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các công việc, hạn chế tính thụ động, đùn đẩy trách nhiệm giữa các Trưởng, phó phòng, giữa các CBCC trong đơn vị. Từ

đó, đội ngũ công chức chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao hiệu quả các mặt hoạt động của phòng.

Bên cạnh đó, người đứng đầu là người có trọng trách trong một tập thể, vừa phải thực hành dân chủ, lắng nghe ý kiến của tập thể, đồng thời, phải quyết đoán, nhận thức đầy đủ trách nhiệm và dám ra quyết định, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Bởi vậy, ngoài thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, trong bất cứ hoàn cảnh nào, người đứng đầu phải giữ được vai trò trung tâm, khiêm tốn, cầu thị và chịu khó học hỏi. Bản thân phải trong sáng, hoạt động cán bộ công tâm, khách quan; thực hiện đúng nguyên tắc, quy định; gần gũi, quan tâm, chia sẻ với đồng chí, đồng nghiệp.

### *3.3.6. Nâng cao chất lượng kiểm tra của Ủy ban nhân dân huyện đối với Phòng Tư pháp, tăng cường sự giám sát của Hội đồng nhân dân huyện và của các tổ chức chính trị - xã hội*

Để đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động của các Phòng Tư pháp huyện, giải quyết kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực thi nhiệm vụ thì hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý cấp trên mà trực tiếp là HĐND và UBND cùng cấp và của các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng, góp phần đưa hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các Phòng Tư pháp được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bám sát tình hình thực tế tại địa phương, giám sát hoạt động của các CBCC tư pháp trong thực thi công vụ, đồng thời phát hiện các sai phạm, những lỏng lẻo trong quản lý nhằm kịp thời chấn chỉnh.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên theo định kỳ hoặc đột xuất, là điều kiện đảm bảo tính trách nhiệm của người đứng đầu, của các CBCC không chỉ với Phòng Tư pháp mà với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện nói chung.

### *3.3.7. Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động của các phòng Tư pháp*

Tăng cường CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan HCNN giai đoạn hiện nay nhằm đơn giản hóa các quy trình, TTHC, tạo ra phong cách làm việc mới khoa học hơn, hiện đại hơn, nhằm tăng năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả các công việc.

Trong những năm qua, thực hiện Quyết định số 2889/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2015, Sở Tư pháp và các Phòng Tư pháp tại tỉnh Phú Thọ đã triển khai ứng dụng CNTT vào quá trình hoạt động như hoạt động quản lý văn bản nội bộ, quản lý hồ sơ, hệ thống VBQPPL, quản lý hộ tịch... đã góp phần thực hiện thành công CCHC, hiện đại hóa các hoạt động quản lý HCNN, đồng thời cung cấp các văn bản pháp luật trực tuyến, tuyên truyền PBGDPL đến các tổ chức, cá nhân nhanh chóng, kịp thời [3, tr.1]. Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT còn những hạn chế như: việc ứng dụng CNTT còn thiếu đồng bộ, hệ thống trang thiết bị máy tính phục vụ hoạt động này còn thiếu, thường xuyên phải sửa chữa, trình độ CTT của CBCC còn hạn chế. Từ những hạn chế trên, học viên đề xuất cần tập trung các vấn đề sau:

*Một là*, Phòng Tư pháp tham mưu giúp UBND và Hội đồng phối hợp PBGDPL cùng cấp thiết lập trang thông tin chuyên đề PBGDPL trên trang thông tin điện tử UBND cùng cấp để đẩy mạnh tuyên truyền PBGDPL tập trung vào những văn bản pháp luật có liên quan đến những vấn đề nóng, được dư luận quan tâm như đất đai, khiếu nại, tố cáo, bồi thường giải phóng mặt bằng... nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật cho nhân dân tại địa phương.

*Hai là*, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, trang thiết bị văn phòng, cài đặt phần mềm quản lý văn bản, ứng dụng tin học, các phần mềm vào quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sẽ giúp tạo ra sự kết nối

trong QLNN về các lĩnh vực hộ tịch, giải quyết các TTHC, thẩm định văn bản... đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công việc đáp ứng nhiệm vụ cải cách hành chính, tổ chức và hoạt động các Phòng Tư pháp theo hướng chuyên môn hóa đáp ứng yêu cầu CCHC và cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

*Ba là*, tăng cường phối hợp giữa các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện để đảm bảo ứng dụng CNTT tại các đơn vị trong quá trình trao đổi công việc, trong đó có Phòng Tư pháp đạt kết quả cao.

*Bốn là*, cử CBCC tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tin học văn phòng, sử dụng và quản lý phần mềm do Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, UBND tỉnh tổ chức.

Như vậy, tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm nghiệp vụ trong phục vụ các hoạt động tư pháp có vai trò quan trọng góp phần tăng tính hiệu quả, đưa các lĩnh vực hoạt động tư pháp thực sự đến gần, thân thiện với người dân, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

### **Tiểu kết chương**

Những giải pháp đã nêu được rút ra từ phân tích thực trạng thực tiễn tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong vài năm trở lại đây và tiếp thu những nghiên cứu khoa học có liên quan về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp ở mức độ nhất định. Những giải pháp tập trung kiến nghị liên quan đến một số quy định của luật thực định còn mâu thuẫn, chưa đồng bộ, chưa phù hợp với thực tiễn; nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Phòng Tư pháp; bổ sung, kiện toàn đội ngũ; trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc... nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập, là cơ sở tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã và đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những thành tựu đạt được trong những năm qua đã khẳng định chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy HCNN nói riêng có vị trí quan trọng, việc xây dựng mô hình chính quyền các cấp phù hợp có ý nghĩa to lớn trong hoạt động QLNN, quản lý xã hội đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Đặc biệt là bộ máy CQĐP, nơi trực tiếp đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn đời sống xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, các cơ quan HCNN ở địa phương luôn được quan tâm kiện toàn cho phù hợp với nhiệm vụ của mỗi thời kỳ, trong từng giai đoạn. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy CQĐP nói riêng để chủ động hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Do đó, các cơ quan chuyên môn thuộc CQĐP, trong đó có Phòng Tư pháp được tổ chức theo hướng kiện toàn tổ chức, đội ngũ CBCC được nâng cao về cả chất và lượng, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, đổi mới phương thức hoạt động trong điều kiện mở rộng dân chủ xuất phát từ nhu cầu khách quan, từ những đòi hỏi thực tiễn đặt ra để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phòng Tư pháp là một bộ phận cấu thành của UBND nên trong tổ chức cũng như hoạt động còn tồn tại những bất cập, yếu kém nhất định, từ đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục được nghiên cứu, trao đổi tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tư pháp ở địa phương phù hợp với điều kiện, đặc điểm của CQĐP trong điều kiện kinh tế - xã hội và hợp tác quốc tế hiện nay của đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp - Bộ Nội Vụ, (2014), *Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư Pháp và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Hà Nội.*
2. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Hà Nội.*
3. Bộ Tư pháp (2010), *Quyết định số 2889/QĐ-BTP ngày 17/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2011 - 2015, Hà Nội.*
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.*
5. Chính phủ (2011), *Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ ngày 08/11/2011 về chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Hà Nội.*
6. Chính phủ (2014), *Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, Hà Nội.*
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Hà Nội.*
8. Chính phủ (2016), *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, Hà Nội.*

9. Chính phủ (2016), *Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.

10. Hoàng Minh Hội (2016), “*Thực hiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong hoạt động cán bộ và quản lý cán bộ, công chức thuộc quyền và một số kiến nghị*”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 32, Số 3 (9/2016) 36-43.

11. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu các CQ HCNN Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2009, Cơ quan chủ trì: Viện Nhà nước và Pháp luật, Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, Hà Nội.

12. Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, *Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 Quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động PBGDPL (PBGDPL) và chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL) của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*.

13. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVIII, Nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Phú Thọ.

14. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam*.

15. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam*.

16. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam*.

17. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVIII, Đảng Cộng sản Việt Nam*.

18. Quốc Hội (1959), *Hiến pháp*, Hà Nội.

19. Quốc Hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.

20. Quốc Hội (2003), *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, Hà Nội.

21. Quốc Hội (2004), *Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, Hà Nội.
22. Quốc Hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
23. Quốc Hội (2012), *Luật Phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
24. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
25. Quốc Hội (2013), *Luật Hòa giải cơ sở*, Hà Nội.
26. Quốc Hội (2015), *Luật Hộ tịch*, Hà Nội.
27. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
28. Quốc Hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
29. Quốc Hội (2015), *Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.
30. Trần Đình Thắng (2007), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Bộ năm 2007, Mã số: B07-12 về “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp theo yêu cầu của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay*”, Viện Nhà nước-Pháp luật, Hà Nội.
31. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2014), *Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 về việc phê duyệt số lượng, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Phú Thọ năm 2013*, Phú Thọ.
32. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2017), *Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc phê duyệt số lượng, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Phú Thọ năm 2017*, Phú Thọ.
33. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2017), *Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 về việc ban hành Đề án “Sắp xếp, kiện toàn, chuẩn hóa đội ngũ công chức tư pháp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020”*, Phú Thọ.
34. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2015), *Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 về việc ban hành Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã”*, Phú Thọ.



35. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2011), *Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

36. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2016), *Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ.*

37. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2017), *Báo cáo số 239/BC-UBND ngày 29/12/2017 về việc Báo cáo hoạt động của UBND tháng 12 và tình hình kinh tế - xã hội năm 2017, Phú Thọ.*

38. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2013), *Báo cáo tổng kết hoạt động tư pháp năm 2013, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động tư pháp năm 2014, Phú Thọ.*

39. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2014), *Báo cáo tổng kết hoạt động tư pháp năm 2014, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động tư pháp năm 2015, Phú Thọ.*

40. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động tư pháp năm 2015, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động tư pháp năm 2016, Phú Thọ.*

41. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động tư pháp năm 2016, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động tư pháp năm 2017, Phú Thọ.*

42. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động tư pháp năm 2017, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động tư pháp năm 2018, Phú Thọ.*

43. Vũ Công Giao (2011), *Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu khoa học: Quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam và một số nước trên thế giới, Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.*

**PHỤ LỤC**

**Bảng 2.3a. Biểu Thống kê số lượng, chất lượng công chức các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017**

(Đơn vị tính: người)

Các huyện, thành, thị xã	Tổng biên chế hiện có	Trong đó			Chia theo ngành công chức				Chia theo chuyên ngành đào tạo			Trình độ đào tạo chia theo														Lãnh đạo Trưởng, phó phòng	Số cán bộ làm việc tại phòng (điện biệt phái, hợp đồng)		
		Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Luật	Hành chính	Khác	Chuyên môn					Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ						
												Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng anh		Ngoại ngữ khác				
																							Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	Đại học trở lên			Chứng chỉ (A,B,C)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	29	30	
	<b>36</b>	<b>23</b>	<b>35</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>32</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>35</b>	<b>1</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>23</b>	<b>7</b>	
TP. Việt Trì	6	5	5	1	0	6	0	0	5	0	1	2	4	0	0	0	0	1	4	1	1	5	1	4	0	1	3	0	
Thị xã Phú Thọ	3	2	3	0	0	3	0	0	2	1	0	0	3	0	0	0	0	1	2	0	0	3	0	3	0	0	1	0	
Huyện Tam Nông	3	3	3	0	0	3	0	0	3	0	0	1	2	0	0	0	0	1	2	0	0	3	0	3	0	0	2	0	
Huyện Thanh Thủy	3	2	3	0	0	3	0	0	2	0	1	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	3	0	0	2	0	
Huyện Đoan Hùng	1	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	1	0	0	1	1	
Huyện Thanh Ba	2	2	2	0	0	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	2	0	0	2	2	
Huyện Cẩm Khê	3	2	3	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	1	2	0	0	3	0	3	0	0	2	0	

**Bảng 2.3b. Biểu Thống kê số lượng, chất lượng công chức các Phòng Tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017**

*(Đơn vị tính: người)*

Các huyện, thành, thị xã	Tổng biên chế hiện có	Trong đó			Chia theo ngạch công chức			Chia theo chuyên ngành đào tạo			Trình độ đào tạo chia theo														Lãnh đạo Trưởng, phó phòng	Số cán bộ làm việc tại phòng (điện biệt phái, hợp đồng)		
		Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Luật	Hành chính	Khác	Chuyên môn				Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ						
												Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng anh				Ngoại ngữ khác	
																							Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)			Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)
Huyện Lâm Thao	2	1	2	0	0	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	2	0	0	2	2
Huyện Phù Ninh	3	3	3	0	0	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	1	2	0	0	3	0	3	0	0	2	0
Huyện Thanh Sơn	2	1	2	1	0	2	0	0	1	1	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	2	0	0	1	1
Huyện Hạ Hòa	3	2	3	1	1	2	0	0	2	0	1	0	3	0	0	0	0	2	1	0	0	3	0	3	0	0	2	1
Huyện Yên Lập	2	0	2	2	0	2	0	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	2	0	0	2	0
Huyện Tân Sơn	3	0	3	2	0	3	0	0	2	0	1	0	3	0	0	0	0	0	2	1	0	3	0	3	0	0	1	0

**Bảng 2.4. Kết quả hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017**

Năm	Kiểm tra, rà soát VBQPPL											
	Số văn bản tự kiểm tra, xử lý						Số văn bản kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền					
	Tổng số	VB QPPL	VB không phải là VBQPPL	Số VB không đảm bảo căn cứ pháp lý, thể thức			Tổng số	VB QPPL	VB không phải là VBQPPL	Số VB không đảm bảo căn cứ pháp lý, thể thức		
				Tổng số	Đã xử lý	Chưa xử lý				Tổng số	Đã xử lý	Chưa xử lý
2013	6.612	264	6.348	15	15	0	29.687	1.021	28.666	88	88	0
2014	2.687	461	2.226	8	8	0	2.077	1.753	324	236	236	0
2015	985	985	0	19	19	0	744	744	0	19	19	0
2016	873	873	0	10	10	0	658	658	0	5	5	0
2017	716	716	0	2	2	0	542	542	0	1	1	0

**Bảng 2.5. Số lượng báo cáo viên pháp luật cấp huyện từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện				
	Tổng số	Dân tộc		Trình độ chuyên môn	
		Kinh	Khác	Luật	Hành chính/Khác
2013	287	280	7	253	34
2014	291	284	7	255	36
2015	298	291	7	262	36
2016	295	288	7	262	33
2017	282	275	7	261	21

**Bảng 2.6. Kết quả thực hiện Phổ biến giáo dục pháp luật  
trên địa bàn huyện, thành, thị xã tại tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017**

Năm	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu pháp luật		Số tài liệu phát hành miễn phí (Bản)	Số lượng tin, bài được đăng tải phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (cuộc)	Số lượt người tham dự (lượt người)	Số cuộc thi (cuộc)	Số lượt người dự thi (lượt người)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2013	10.196	803.694	34	7522	3.167	4.862
2014	11.054	894.266	50	10.114	80.000	4.326
2015	12.541	968.344	40	9.563	5.800	8.052
2016	14.344	2.060.455	114	39.321	1.761.593	8.179
2017	15.011	1.667.465	56	12.647	915.530	9.592

**Bảng 2.7. Số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên cơ sở và tổng số vụ việc hòa giải  
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ từ năm 2013 - 2017**

Năm	Tổng số Tổ hòa giải (người)	Tổng số hòa giải viên (người)	Số vụ việc hòa giải năm 2013 - 2017		
			Tổng số (vụ việc)	Số vụ việc hòa giải thành (vụ việc)	Số vụ việc hòa giải không thành (vụ việc)
2013	2.890	17.186	4.182	3.439	743
2014	2.890	17.186	3.316	2.564	752
2015	2.890	17.186	3.373	2.629	744
2016	2.890	18.399	3.559	2.653	906
2017	2.893	18.533	3.489	2.796	693